

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Hà Thu
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIỆT THỊNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN.**

**Sinh viên : Trần Hà Thu
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Hà Thu

Mã SV: 1354010355

Lớp: QT1304K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Truyền thông Việt Thịnh.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh trong năm 2012.
 - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền Thông Việt Thịnh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Hà Thu

Th.s Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	5
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.1.4.1. Doanh thu	6
1.1.4.2. Chi phí	9
1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh.	11
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	12
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	13
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.	13
1.2.1.3. Phương thức hạch toán.	16
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.	16
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.	17
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.	17
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	20
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.	20
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.	21
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.	21

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	21
1.2.4. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh.	25
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	25
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	25
1.2.4.3. Phương thức hạch toán.....	27
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	28
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	28
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	28
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	29
1.2.6. Kế toán Thu nhập khác và Chi phí khác.	31
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	31
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	31
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	32
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	34
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....	34
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	34
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.....	37
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán trong kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	38
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	38
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.	39
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	40
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	41
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.	42
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIỆT THỊNH	43
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.....	43
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	44
2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty.....	44

2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh chính	44
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động của công ty. .	46
2.1.3.1. Thuận lợi	46
2.1.3.2. Khó khăn	46
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.	47
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.	50
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	50
2.1.5.2. Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng.	51
2.2. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	54
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.....	54
2.2.1.1. Đặc điểm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty ..	54
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng.....	54
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	54
2.2.1.4. Quy trình hạch toán.....	54
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	61
2.2.2.1. Đặc điểm về giá vốn hàng bán của công ty.	61
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.....	61
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	61
2.2.2.4. Quy trình hạch toán.....	61
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	70
2.2.3.1. Đặc điểm về chi phí quản lý kinh doanh của công ty.....	70
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	70
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	70
2.2.3.4. Quy trình hạch toán.....	70
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.....	77
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu tài chính và chi phí tài chính của công ty.	77

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	77
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	77
2.2.4.4. Quy trình hạch toán.....	77
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	84
2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh của công ty.	84
2.2.5.2. Chứng từ sử dụng.....	85
2.2.5.3. Chứng từ sử dụng.....	85
2.2.5.4. Quy trình hạch toán.....	85
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIỆT THỊNH.	97
3.1. Đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp.	97
3.1.1. Ưu điểm.....	98
3.1.2. Hạn chế.....	100
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	101
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	101
3.2.2. Một số nguyên tắc và yêu cầu tiến hành hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.	103
3.2.2.1. Một số nguyên tắc hoàn thiện.	103
3.2.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	103
KẾT LUẬN.....	121
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	122

LỜI MỞ ĐẦU

Trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, để cùng phát triển với nền kinh tế của đất nước nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung, các doanh nghiệp Việt Nam đã nỗ lực hết mình để tạo ra các sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu thị trường (nhu cầu sản xuất và tiêu dùng) với mục tiêu là lợi nhuận. Để sản xuất ra một sản phẩm, doanh nghiệp phải tốn nhiều rất nhiều chi phí. Đến khi sản phẩm được bán ra thị trường cũng là lúc doanh nghiệp thu hồi vốn và lợi nhuận. Quá trình này có ý nghĩa quan trọng và quyết định sự tồn vong của doanh nghiệp, đồng thời nó cũng giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình sản xuất và kinh doanh. Tất cả các doanh nghiệp từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn đều cần xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Để thực hiện được, doanh nghiệp nào cũng cần có một bộ phận kế toán để: ghi chép, phân tích, xử lý, tổng hợp các số liệu phát sinh thành một hệ thống thông tin về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp, để doanh nghiệp có thể quản lý, điều hành và đưa ra những chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải trang bị cho mình những kiến thức về phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình, để đánh giá được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình, biết cách xác định và phân tích có hệ thống các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi đến hoạt động kinh doanh. Qua đó, đề xuất các giải pháp để phát triển điểm tích cực, hạn chế và loại bỏ các điểm có ảnh hưởng tiêu cực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp mình.

Chính vì nhận thấy tầm quan trọng của vấn đề trên cùng với sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của Giảng viên Trần Thị Thanh Thảo em xin tham gia nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh”**.

Mục tiêu nghiên cứu đề tài nhằm hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Đồng thời mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ là nguồn thông tin tham khảo hữu ích cho doanh nghiệp trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của đề tài gồm 3 chương chính:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các quý thầy cô chỉ bảo, đóng góp ý kiến và tạo điều kiện để bài khóa luận này được hoàn thiện tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Trần Hà Thu

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường với môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để chống chọi với sức ép của thị trường và đứng vững đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh cụ thể, biết kinh doanh hiệu quả, quản lý nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, tăng cường lợi nhuận. Chính vì vậy yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được đề cao.

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Chính vì thế, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm

giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Và vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp. Tài liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để phân tích, đánh giá tình hình sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp, để có quyết định quản lý phù hợp. Đây là công cụ cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

1.1.2. Vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp thương mại mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế thị trường đang biến động mạnh mẽ như hiện nay.

Tính đầy đủ, chính xác, nhanh chóng và kịp thời về sự biến động của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của đơn vị mình và xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng, biện pháp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tiếp theo đạt hiệu quả cao nhất.

Đặc biệt, thông tin kế toán cung cấp về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với Nhà nước. Trên cơ sở về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu ngân sách quốc gia không bị thất thoát. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về chính trị - an ninh – xã hội, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Thêm vào đó, thông tin kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính trung gian, các chủ nợ.... Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn, phù hợp nhất có thể.

Bởi vậy, việc tổ chức công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là cấp thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở đơn vị.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được tốt vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng, từng hợp đồng kinh tế.

Thứ hai, phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện về mặt số lượng và chất lượng.

Thứ ba, phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát, ứ đọng vốn.

Thứ tư, trách hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra hợp lý các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

Đồng thời công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải nắm vững một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, quản lý sự vận động của từng loại dịch vụ theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị.

Thứ hai, phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

Thứ ba, phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Thứ tư, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1. Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là doanh thu chưa tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “Hóa đơn giá trị gia tăng”.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng là doanh thu có tính thuế GTGT và doanh nghiệp sử dụng “Hóa đơn bán hàng thông thường”.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu chỉ bao gồm: Tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là doanh thu.

a) Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

Theo chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy. Trường hợp giao dịch

về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Doanh thu thuần: Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ từ người bán sang người mua.

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, là cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản

phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (đem bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại...

Thuế giá trị gia tăng(GTGT) theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất và tiêu dùng như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bán vào các khu chế xuất.

1.1.4.2. Chi phí

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ nhất định.

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- ***Giá vốn hàng bán:*** Là giá vốn thực tế xuất kho của một số hàng hóa(gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ

hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như lương, phụ cấp, trợ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN... của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; khoản trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

- **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh: là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh, kết quả đó được tính theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận} & & \text{Lợi nhuận} & & \text{Doanh thu} & & \text{Chi} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí} \\ \text{thuần từ} & = & \text{gộp từ bán} & + & \text{hoạt động} & - & \text{phí} & - & \text{phí} & - & \text{Quản lý} \\ \text{hoạt động} & & \text{hàng và cung} & & \text{tài chính} & & \text{tài} & & \text{bán} & & \text{doanh} \\ \text{kinh} & & \text{cấp dịch vụ} & & & & \text{chính} & & \text{hàng} & & \text{ng nghiệp} \end{array}$$

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng lợi} & & \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động} & & \text{Lợi nhuận khác} \\ \text{nhuận} & = & \text{kinh doanh} & + & \\ \text{trước thuế} & & & & \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccc} \text{Lợi nhuận gộp từ bán} & & \text{Doanh thu bán hàng} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & & \end{array}$$

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần tăng vốn chủ sở hữu.

Các hàng hóa đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu VAT và doanh nghiệp nộp VAT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế).

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải chuyển đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).
- Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa đã xác định là tiêu thụ... TK 5111 được sử dụng chủ yếu các doanh nghiệp kinh doanh vật tư hàng hóa.

- Tài khoản 5112- Doanh thu bán thành phẩm: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng thành phẩm và bán thành phẩm đã được xác định là tiêu thụ. TK 5112 chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ, lao vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là tiêu thụ. TK 5113 chủ yếu dùng cho các ngành, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

- Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

- Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư: phản ánh doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư của doanh nghiệp bao gồm: doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, doanh thu bán bất động sản đầu tư.

- Tài khoản 5118- Doanh thu khác

Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...hạch toán ngành.

Tài khoản 512 được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa : phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hóa đã được xác định là tiêu thụ nội bộ. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp thương mại như vật tư, lương thực.

- TK 5122 – Doanh thu bán các sản phẩm : phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, dịch vụ, lao vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong cùng công ty hay tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng cơ bản.

- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ : phản ánh doanh thu của khối lượng dịch vụ lao vụ cung cấp cho các đơn vị thành viên trong cùng công ty, tổng công ty. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, du lịch, bưu điện...

Kết cấu nội dung phản ánh tài khoản 511, 512.

Nợ	TK 511, TK 512	Có
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.
Σ Số phát sinh bên nợ		Σ Số phát sinh bên có

TK 511, TK 512 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- Hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC kế toán sử dụng **tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu**.

Tài khoản 521 được chia thành 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211: chiết khấu thương mại.
- Tài khoản 5212: hàng bán bị trả lại.
- Tài khoản 5213: giảm giá hàng bán.

Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

Kết cấu của tài khoản 5211

Nợ	TK 5211	Có
- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 và TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán	
Σ Số phát sinh bên nợ		Σ Số phát sinh bên có

Tài khoản 5211 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng bị khách hàng mang trả lại do các nguyên nhân: vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bán kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

Kết cấu của tài khoản 5212:

Nợ	TK 5212	Có
- Doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán ra.		- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại trừ vào doanh thu trong kỳ.
Σ Số phát sinh bên nợ		Σ Số phát sinh bên có

Tài khoản 5212 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận trên giá thỏa thuận. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém chất lượng, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định của hợp đồng kinh tế.

Kết cấu của tài khoản 5213:

Nợ	TK 5213	Có
- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng		- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bị giảm giá vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512.
Σ Số phát sinh bên nợ		Σ Số phát sinh bên có

Tài khoản 5213 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra còn có các khoản giảm trừ doanh thu như:

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Tài khoản sử dụng: TK 3331

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất và tiêu dùng một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

Cách xác định:

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} * \text{Thuế suất}$$

Tài khoản sử dụng: TK 3332

- Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế được đánh vào hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bán cho các đơn vị trong khu chế xuất.

Cách xác định:

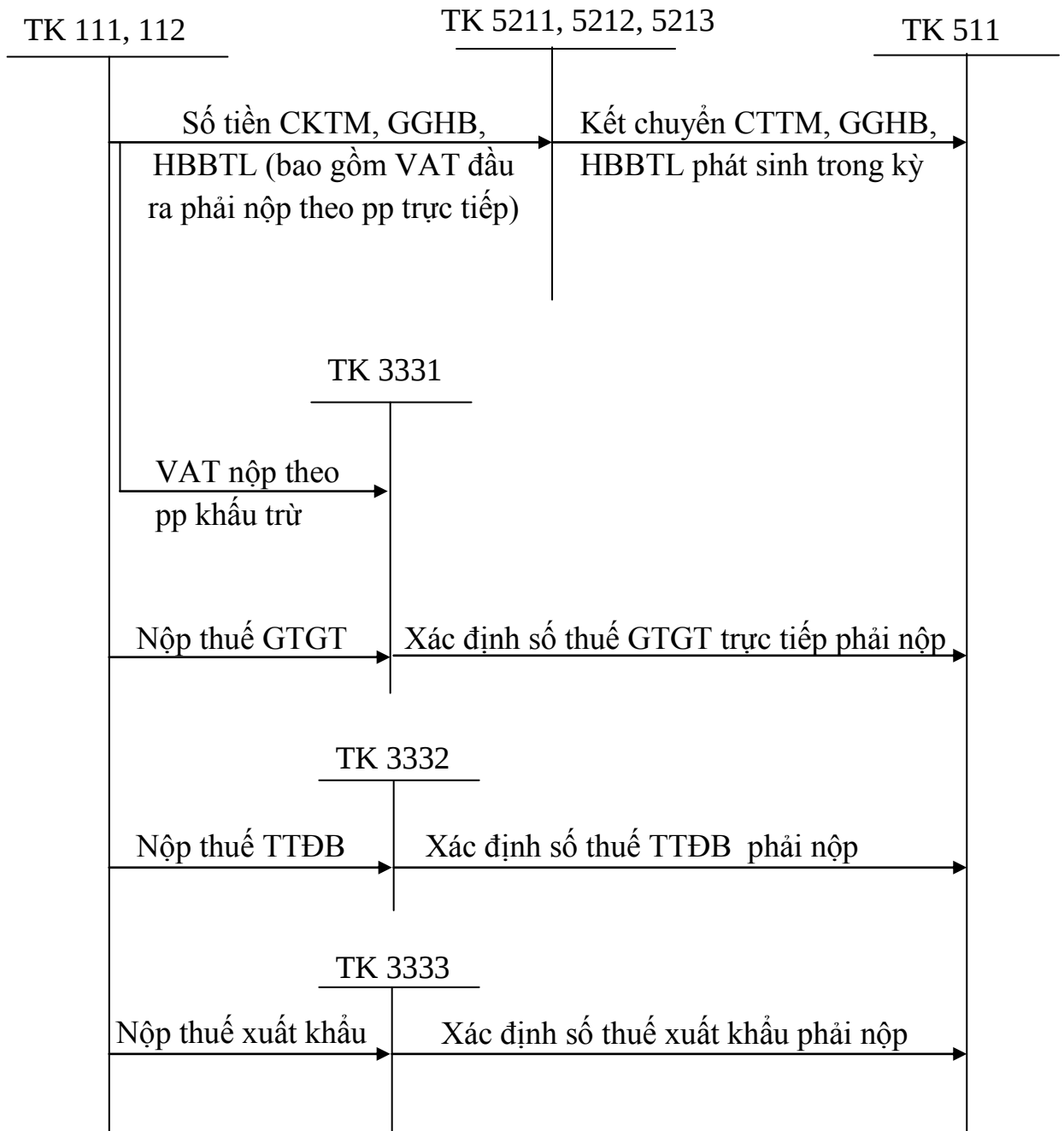
$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} * \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

Tài khoản sử dụng: TK 3333.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra

trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)

Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 – GTGT – 322)

Để theo dõi Giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất kho hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng, kế toán lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán thông qua TK 632. Cuối tháng tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 632- Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa; thành phẩm; lao vụ; dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của sản phẩm xuất bán hay thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ. TK 632 được áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.

- Với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

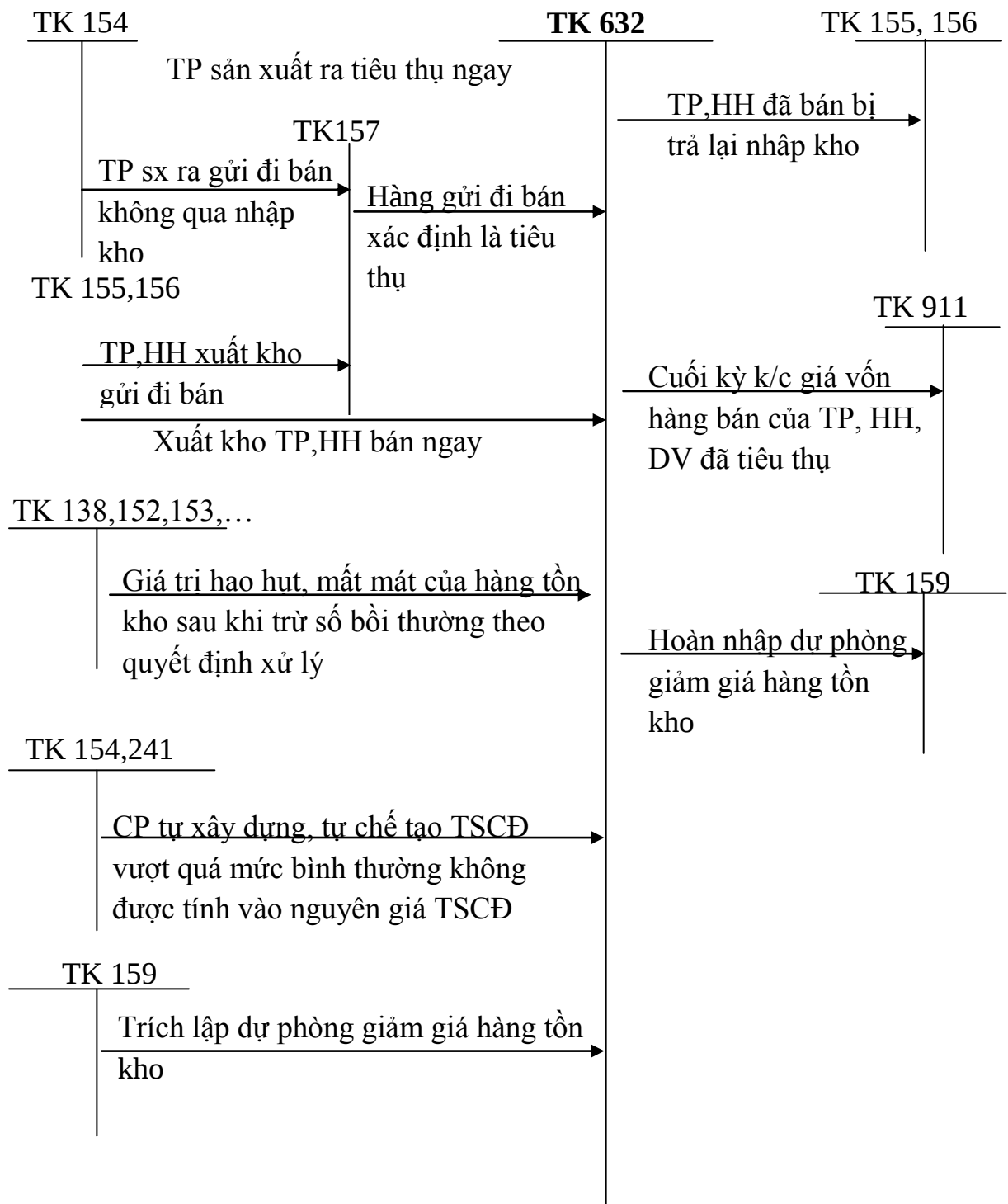
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BDS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp KKTX được thể hiện theo sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ.

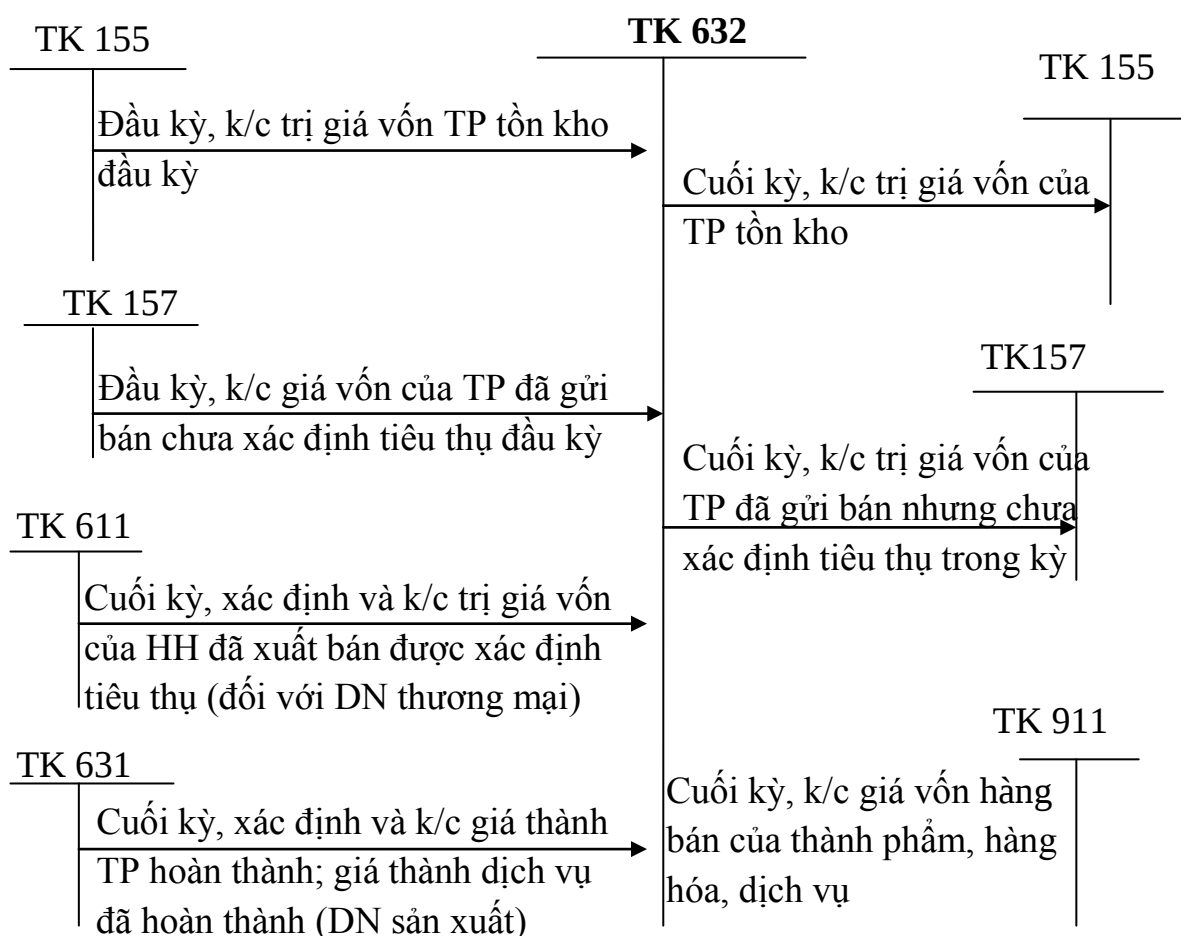
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ. - Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ. - Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.		- Kết chuyển trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155. - Kết chuyển trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157. - Kết chuyển giá vốn HH, TP, DV đã xuất bán sang bên Nợ TK 911 XĐKQKD.
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Hạch toán Giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK được thể hiện theo sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.



1.2.4. Kế toán Chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11- LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (mẫu số 06 -TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (mẫu số 07-VT).
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTGT- 3LL).
- Phiếu chi (mẫu số 02-TT).
- Chứng từ kế toán liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC kế toán sử dụng **tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh.**

Tài khoản 642 được chia thành 2 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – chi phí bán hàng
- TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

+) Tài khoản 6421 – chi phí bán hàng: là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

Kết cấu TK 6421:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản chi phí giảm chi phí bán hàng (nếu có). - K/c chi phí bán hàng trong kỳ báo cáo.	
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

TK 6421 không có số dư cuối kỳ

+) Tài khoản 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp: tất cả các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kì kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý doanh nghiệp, bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu TK 6422:

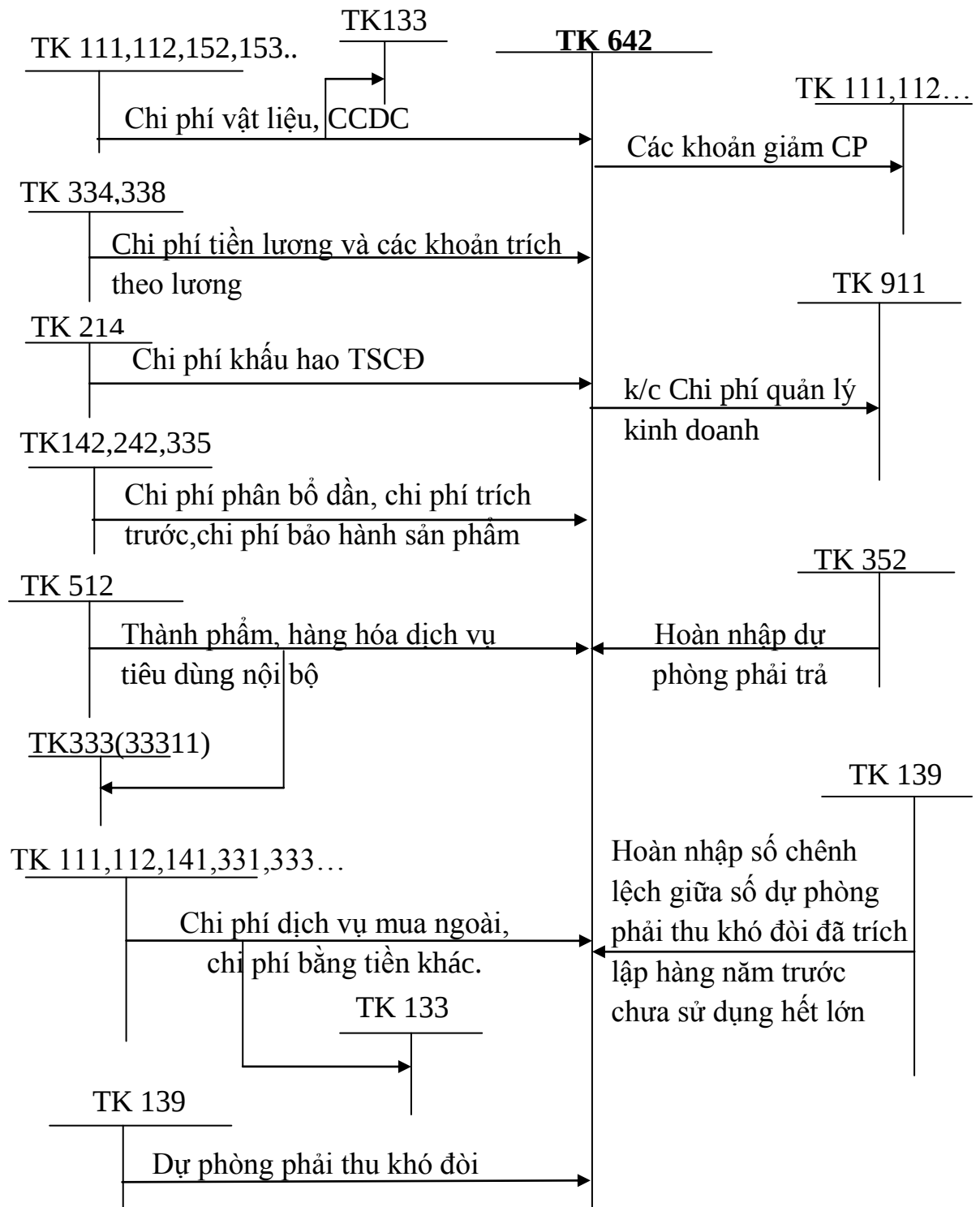
Nợ	TK 6422	Có
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản chi phí giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu có). - K/c chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.	
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

TK 6422 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương thức hạch toán

Phương pháp hạch toán Chi phí quản lý kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan tới hoạt động về vốn là đầu tư tài chính, bao gồm: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi tỉ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn...

- Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính, bao gồm: chi trả lãi tiền đi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỉ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi từ mua hàng theo hình thức trả góp...

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Các hợp đồng vay.
- Các giấy tờ khác liên quan.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 xác định KQKD.	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.	
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có
<i>Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ</i>		

- **TK 635 – Chi phí tài chính:** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, góp vốn liên doanh liên kết,...

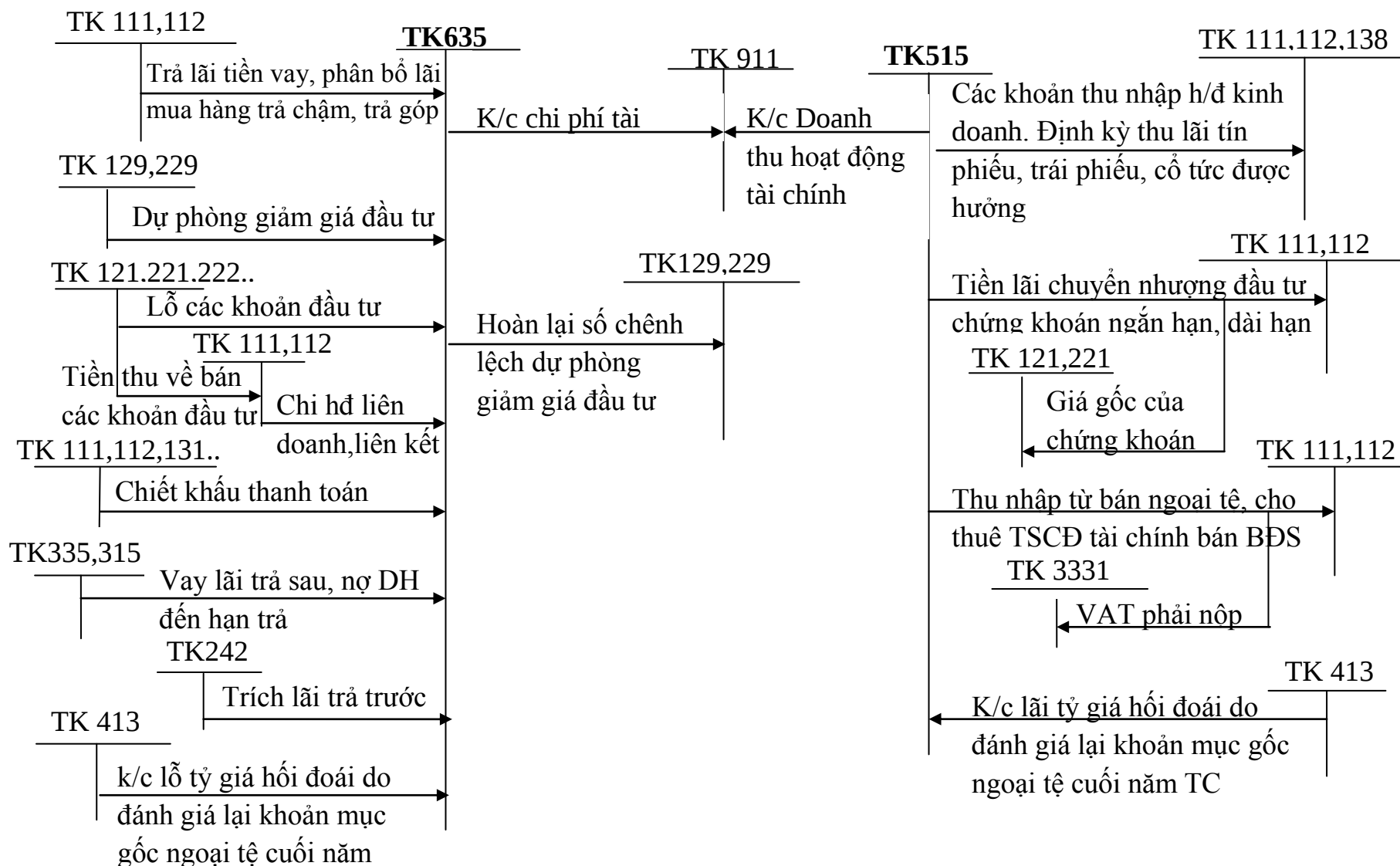
Kết cấu của tài khoản này như sau:

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất,...được xác định là tiêu thụ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.	
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có
<i>Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ</i>		

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.



1.2.6. Kế toán Thu nhập khác và Chi phí khác.

- Thu nhập hoạt động khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoãn lại, thu các khoản nợ được trả không xác định được chủ, thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp....

- Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các chi phí khác...

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có của Ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **TK 711 – Thu nhập khác:** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo pp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo pp trực tiếp. - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ như thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoãn lại, thu nhập quà biếu, quà...
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- **TK 811 – Chi phí khác:** Tài khoản này phản ánh những chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt đối với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản 811:

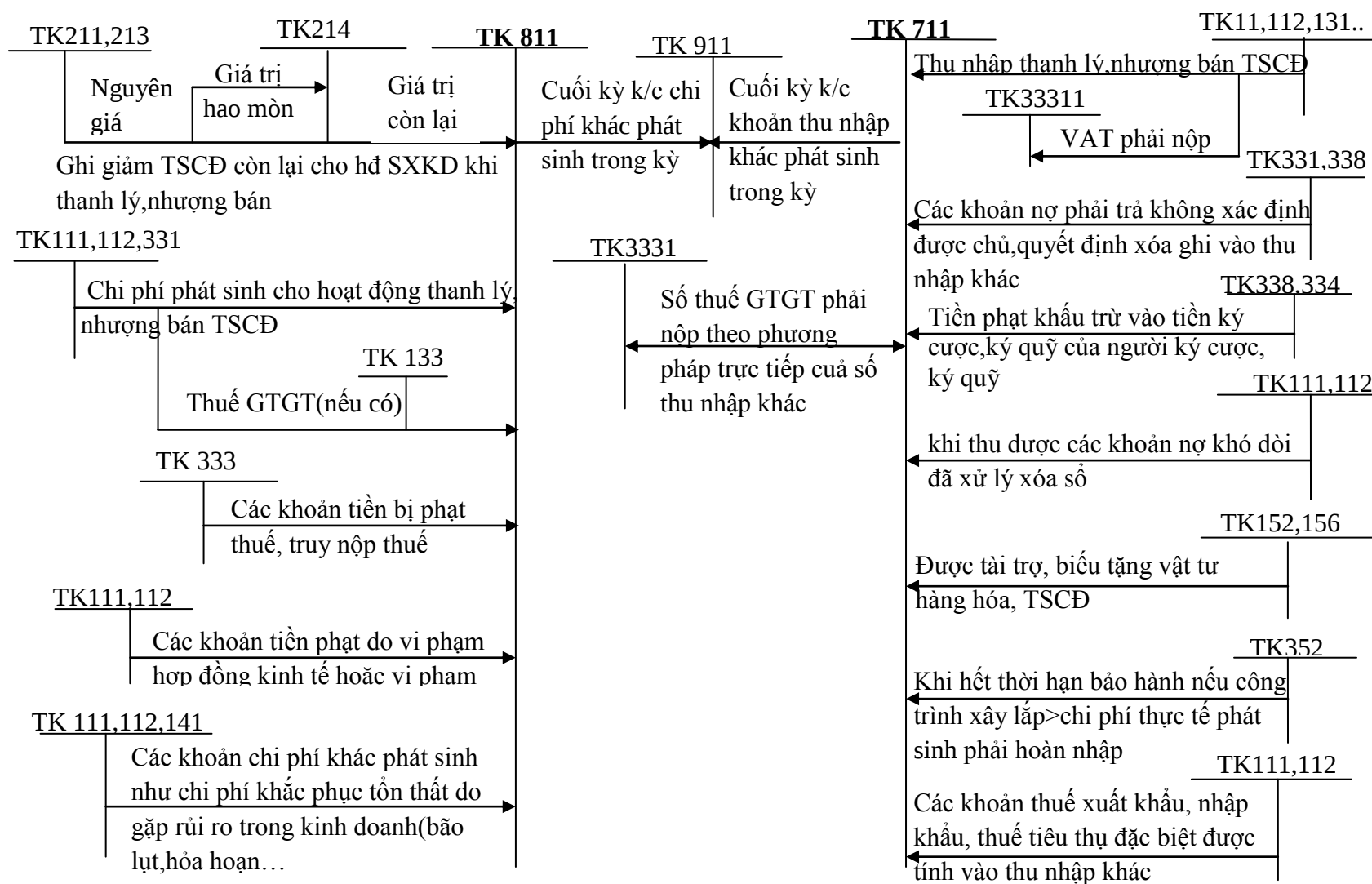
Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		Cuối kỳ Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán Thu nhập khác và Chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.



1.2.7. *Kế toán xác định kết quả kinh doanh.*

- Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí nâng cấp, sửa chữa,...) chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.7.1. *Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán

1.2.7.2. *Tài khoản sử dụng*

- **Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh:** Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán.

Kết cấu tài khoản 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng trong kỳ	
- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN.	- Doanh thu hoạt động tài chính	
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.	- Thu nhập khác	
- Kết chuyển lãi sau thuế.	- Kết chuyển lỗ.	
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- **Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối:** Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 421:

Nợ	TK 421	Có
- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. - Trích lập các quỹ của DN. - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh. - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.		- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của DN trong kì. - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, cấp trên bù đắp. - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

- **Tài khoản 821- Thuế thu nhập doanh nghiệp:** Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

TK 821 được chia làm 2 tài khoản cấp 2:

- + TK 8211 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- + TK 8212 – chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Kết cấu của tài khoản 821:

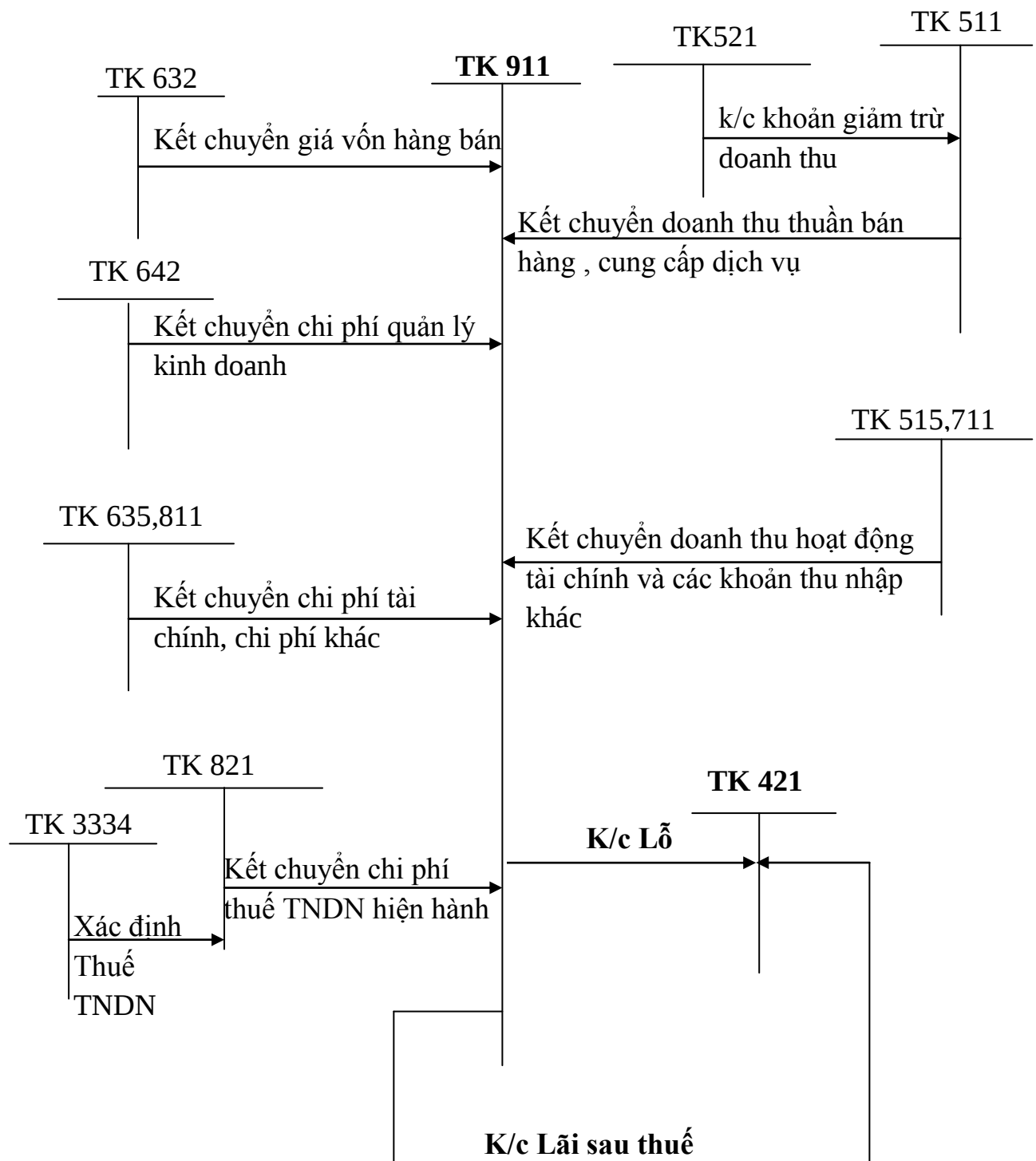
Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung. - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại. - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có lớn hơn bên Nợ của TK 821 phát sinh trong năm vào bên Có TK 911.		- Số thuế TNDN phải nộp trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp ghi giảm do phát hiện các sai sót của các năm trước. - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa số bên Nợ lớn hơn số bên Có của TK 821 phát sinh.
Σ Phát sinh bên nợ		Σ Phát sinh bên có

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp xác định Kết quả kinh doanh được thể hiện theo sơ đồ 1.8 như sau:

Sơ đồ 1.8: Kế toán Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.



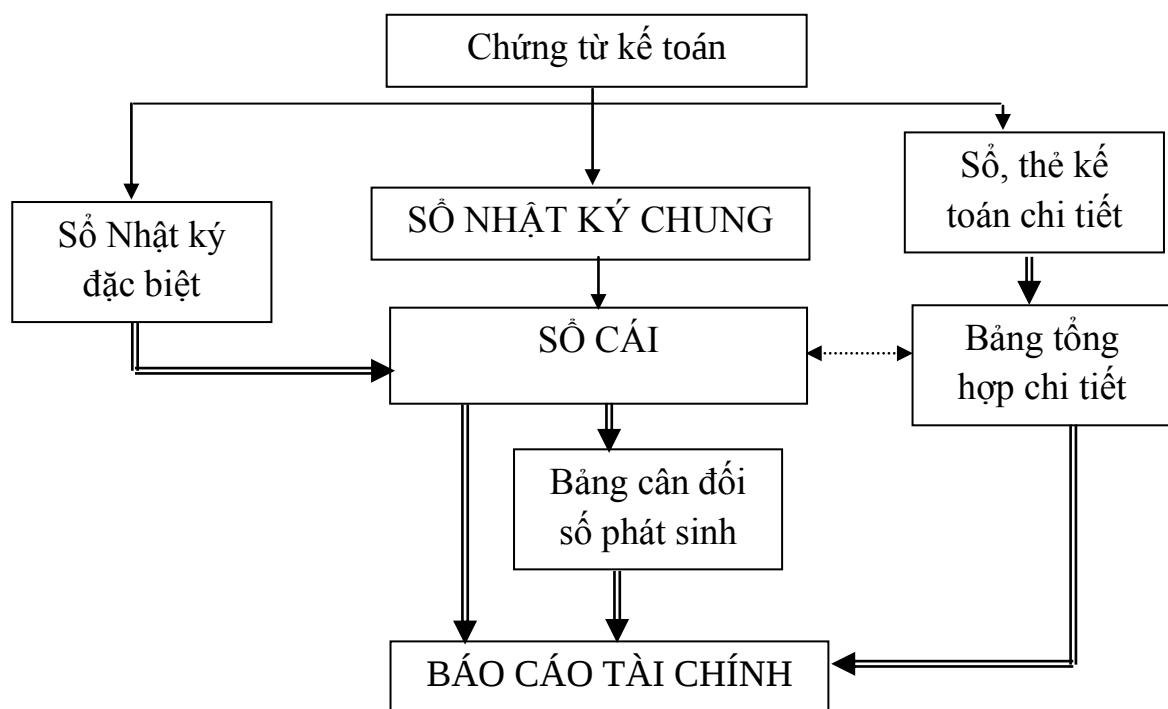
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán trong kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hình thức nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung:



Ghi chú:

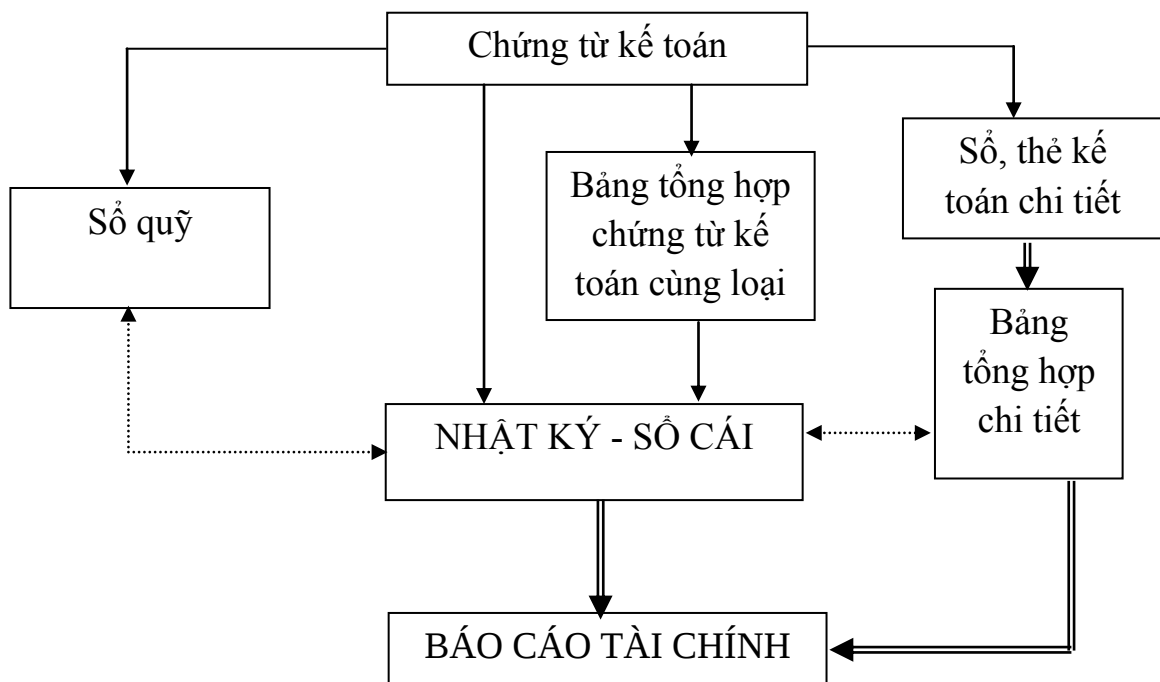
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

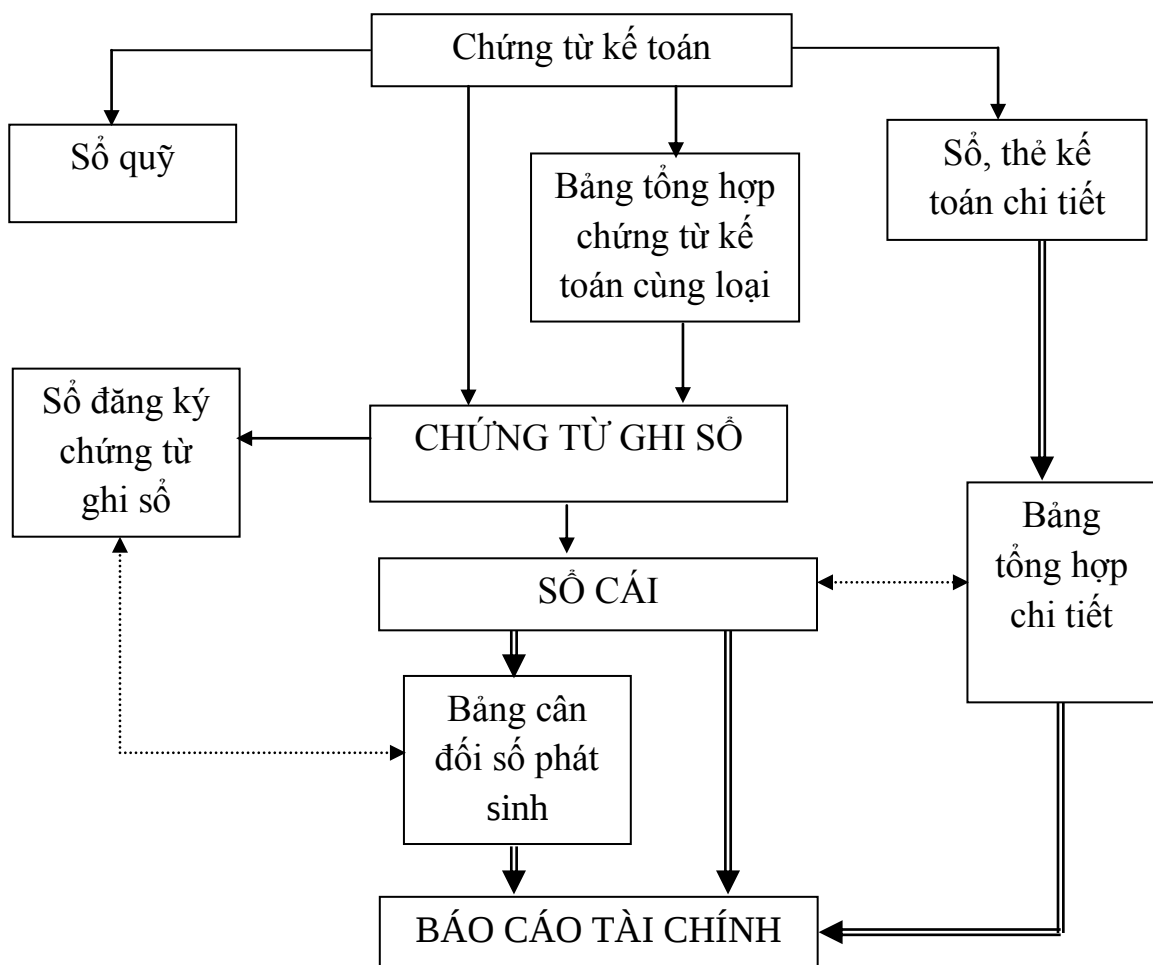
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày $\longrightarrow$

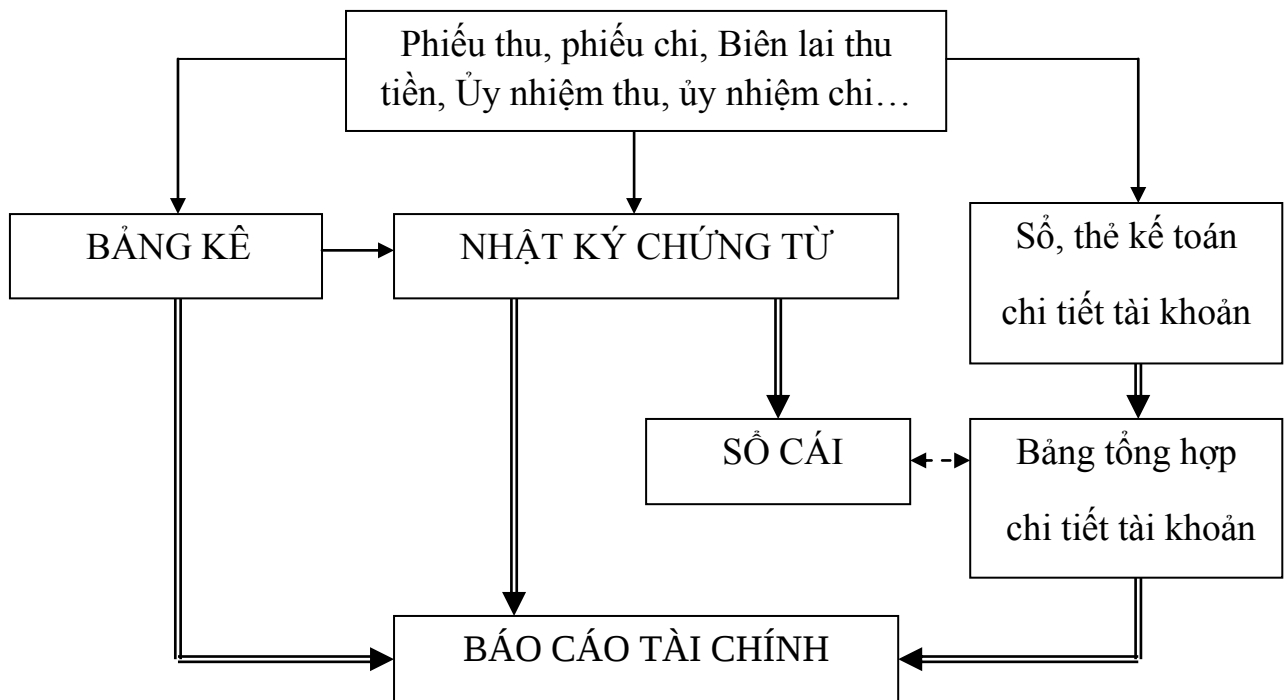
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra $\longleftrightarrow$

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



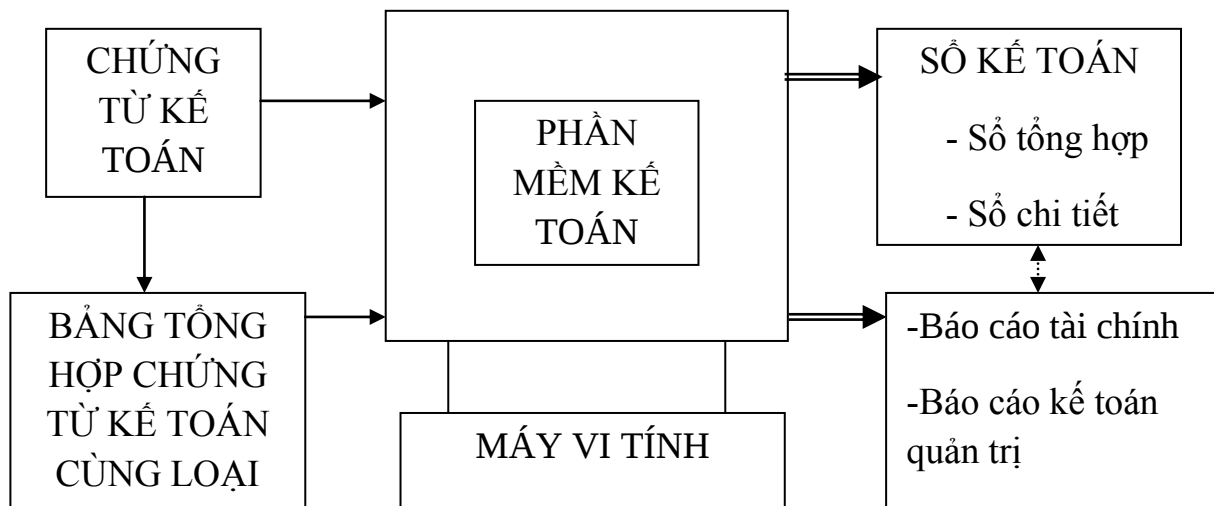
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ←-----→ Quan hệ đối chiều
- =====> Ghi cuối tháng

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày →
In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
Đối chiếu, kiểm tra ↔

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG VIỆT THỊNH

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.

- Tên công ty (tiếng Việt): **Công ty cổ phần truyền thông Việt Thịnh**
- Tên công ty (tiếng Anh): **Viet Thịnh Communication Joint Company**
- Tên công ty viết tắt: **Viet Thịnh CT.,JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 55 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Số điện thoại: 031. 3855799
- Fax: 031. 3640488
- Email: info@vietthinhmedia.net
- Website: vietthinhmedia.net
- Lĩnh vực kinh doanh: truyền thông và tổ chức sự kiện

Công ty cổ phần truyền thông Việt Thịnh được thành lập ngày 22 tháng 2 năm 2008 theo Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh Doanh số: 0203001640 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hải Phòng cấp. Công ty đã được thành lập dưới hình thức là một công ty Cổ phần do Bà Hoàng Thị Vân làm giám đốc, với tên ban đầu là **Công ty cổ phần dịch vụ văn hóa và tổ chức sự kiện Việt Thịnh**.

Khi còn là một công ty mới hình thành và phát triển, công ty còn gặp nhiều khó khăn trong công việc nhất là vấn đề tài chính. Đội ngũ cán bộ công nhân còn non trẻ, hạn chế cả về kinh nghiệm lẫn thực tế. Tuy nhiên, nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Giám đốc công ty, cùng với sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình, ham học hỏi của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty mà tình hình của công ty luôn được cải thiện, thành tích đạt được của Công ty qua các năm đã được nâng lên một cách rõ rệt. Đến

ngày 17 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành **Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh** và luôn phát triển đến ngày hôm nay.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Công ty

Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ của mình và được pháp luật bảo vệ. Công ty có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng, tổ chức, thực hiện sản xuất theo đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng mục đích thành lập doanh nghiệp. Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật của Nhà nước về quản lý quá trình thực hiện sản xuất và tuân thủ những quy định trong các hợp đồng kinh doanh với các bạn hàng.

- Quản lý và sử dụng vốn theo đúng quy định và đảm bảo có lãi.

- Thực hiện việc nghiên cứu phát triển nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như thu nhập của người lao động, nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên thị trường.

- Chịu sự kiểm tra và thanh tra của các cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

- Thực hiện những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh và an toàn lao động, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững, thực hiện đúng những tiêu chuẩn kỹ thuật mà công ty áp dụng cũng như những quy định có liên quan tới hoạt động của công ty.

2.1.2.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Xuất phát từ cơ cấu nguồn vốn cũng như tình hình cơ sở vật chất hiện có, Công ty đã không ngừng phát triển kinh doanh, đa dạng các loại hình dịch vụ...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Đại lý du lịch	7911
2	Điều hành tua du lịch	7912
3	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
4	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
7	Dịch vụ ăn uống (không bao gồm quầy bar)	5622
8	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
10	Hoạt động hậu kỳ	5912
11	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
12	Hoạt động chiếu phim	5914
13	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
14	Bán thiết bị điện ảnh, sân khấu, âm thanh và ánh sáng	4659
15	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí, y phục sân khấu, điện ảnh và thiết bị âm thanh, ánh sáng có kèm người điều khiển	7721
16	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình	7722
17	Quảng cáo	7310
18	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
19	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
20	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
21	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
22	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
23	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24	Dịch vụ đóng gói	8292

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động của công ty.

2.1.3.1. Thuận lợi

Công ty cổ phần truyền thông Việt Thịnh là một công ty trẻ được thành lập từ năm 2008 với đội ngũ trẻ rất năng động và nhiệt tình. Họ thực sự đã góp một phần quan trọng trong sự phát triển của DN trong những năm qua.

Trước mắt cũng như lâu dài công ty đã có những thành công nhất định. Để có được sự phát triển như ngày hôm nay, ngoài những điều kiện thuận lợi trong môi trường kinh tế vĩ mô, công ty đã và đang tạo dựng các mối quan hệ tốt với các đối tác và ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thương trường. Những thuận lợi có thể kể đến như :

- Về giao thông địa lý: nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, lại đóng trụ sở tại nơi có điều kiện giao thông huyết mạch của thành phố tạo điều kiện thuận lợi trong việc di chuyển, đi lại giữa công ty và nơi tổ chức sự kiện.

- Về địa điểm : công ty nằm ngay tại cung văn hóa – nơi thường xuyên diễn ra rất nhiều sự kiện văn hóa nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về nguồn nhân lực: đội ngũ lãnh đạo trẻ tuổi, có năng lực, đội ngũ nhân viên nhiệt tình, năng động, tích cực góp phần cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.

2.1.3.2. Khó khăn

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi giúp công ty phát triển vẫn còn tồn tại những khó khăn đòi hỏi tập thể công ty tìm cách khắc phục để duy trì hoạt động kinh doanh của công ty:

- Cùng với xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường, tất yếu tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt đối với tất cả các lĩnh vực, các ngành kinh tế đặc biệt là kinh doanh dịch vụ, phải thường xuyên chú trọng về tính cạnh tranh của loại hình dịch vụ do mình cung cấp.

- Là doanh nghiệp trẻ mới được thành lập nên còn nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường.

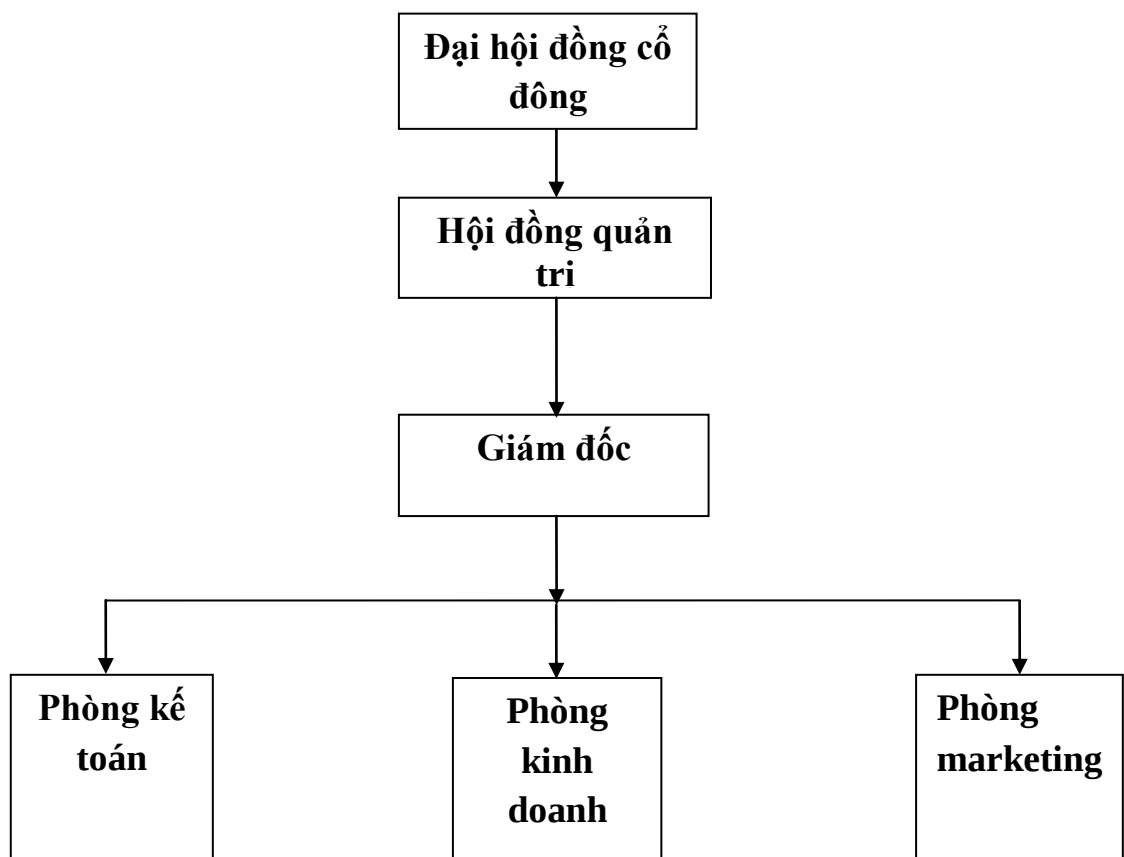
- Công ty đi vào hoạt động đúng trong thời kỳ Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh sức cạnh tranh của nền kinh tế, nên Công ty phải đương đầu nhiều hơn với những rủi ro trong sản xuất kinh doanh, nhất là những tác động từ các đối tác nước ngoài.

- Hiện tại lực lượng lao động của Công ty chưa đông, năng lực trình độ của cán bộ công nhân viên còn nhiều hạn chế.

- Uy tín của Công ty trong sản xuất kinh doanh những ngành dịch vụ trên chưa cao, vì thế mà công ty sẽ phải cố gắng nhiều trong việc tạo lập uy tín của mình trên thị trường.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.



Bộ máy quản lý của Công ty theo hình thức tập trung, chức năng gọn nhẹ chuyên sâu. Tổ chức bộ máy gồm có:

- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết và là Cơ quan quyết định cao nhất trong Công ty cổ phần.

- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty. Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

- + Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
- + Quyết định phương án phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- + Bổ nhiệm miễn nhiệm, cách chức Giám đốc và các cán bộ quan trọng khác của Công ty.
- + Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp cổ phần của các doanh nghiệp khác.

- **Giám đốc:** là người đứng đầu, đại diện cho tư cách pháp nhân của Công ty và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phòng kế toán:** là cơ quan chuyên môn giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, thực hiện công tác kế toán thống kê của Công ty. Quản lý và thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của Công Ty theo đúng nguyên tắc quy định của nhà nước và ban giám đốc của Công Ty. Hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ... Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ tiền lương, thưởng theo quy định. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

Nhiệm vụ của phòng kế toán:

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh kế toán thống kê và các văn bản quy phạm khác có liên quan trong hoạt động tài chính kế toán của Công ty.

- Trưởng phòng tài chính kế toán phải tổ chức bộ máy chuyên môn nghiệp vụ có đủ năng lực đáp ứng đủ nhu cầu quản lý tài chính và yêu cầu cung cấp thông tin nhanh của Giám đốc công ty mọi lúc mọi nơi.

- Quản lý các nguồn tài chính của công ty, tổ chức huy động vốn và sử dụng vốn vào phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở phương án kinh doanh có hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán của công ty phù hợp với mô hình sản xuất của công ty với bộ máy linh hoạt và gọn nhẹ.

- Tổ chức ghi chép, tính toán phản ánh chính xác, trung thực kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng đủ và kịp thời các khoản nộp ngân sách, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả cổ tức...

- Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.

- Tổ chức phân tích công tác kế toán trong công ty một cách thường xuyên nhằm đánh giá đúng đắn tình hình, kết quả hoạt động sản xuất của công ty.

Nội dung hoạt động của phòng kế toán:

- Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính của kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên trong phòng kế toán của Công ty.

- Phòng tài chính kế toán của Công ty chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc do đó mọi hoạt động liên quan đến việc thanh toán chi trả đều phải có ý kiến của Giám đốc hoặc ý kiến của người khác được Giám đốc uỷ quyền khi đi vắng và phải hội đủ các chữ ký của kế toán trưởng, kế toán thanh toán và thủ quỹ mới thực hiện, lúc đó chứng từ mới có giá trị pháp lý.

- Chính nhờ sự năng động sáng tạo của bộ máy quản lý và sự nhiệt tình của cán bộ công nhân viên trong công việc mà công ty đã có sự phát triển đáng kể.

- **Phòng kinh doanh:** có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc kinh doanh khai thác hàng hoá và các dịch vụ khác; phải thường xuyên nghiên cứu sâu tằm các thông tin liên quan đến giá cả thị trường, nguồn hàng và khai thác các khách hàng, trưởng phòng kinh doanh phải chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về mọi hoạt động của phòng mình trong hoạt động kinh doanh... Đồng thời cũng là cơ quan chuyên môn, có chức năng tham mưu giúp ban Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tổ chức, xây dựng, thực hiện công tác kinh doanh của Công ty. Thực hiện việc cung ứng hàng hoá, xây dựng các hợp đồng KD dịch vụ trong phạm vi Công ty.

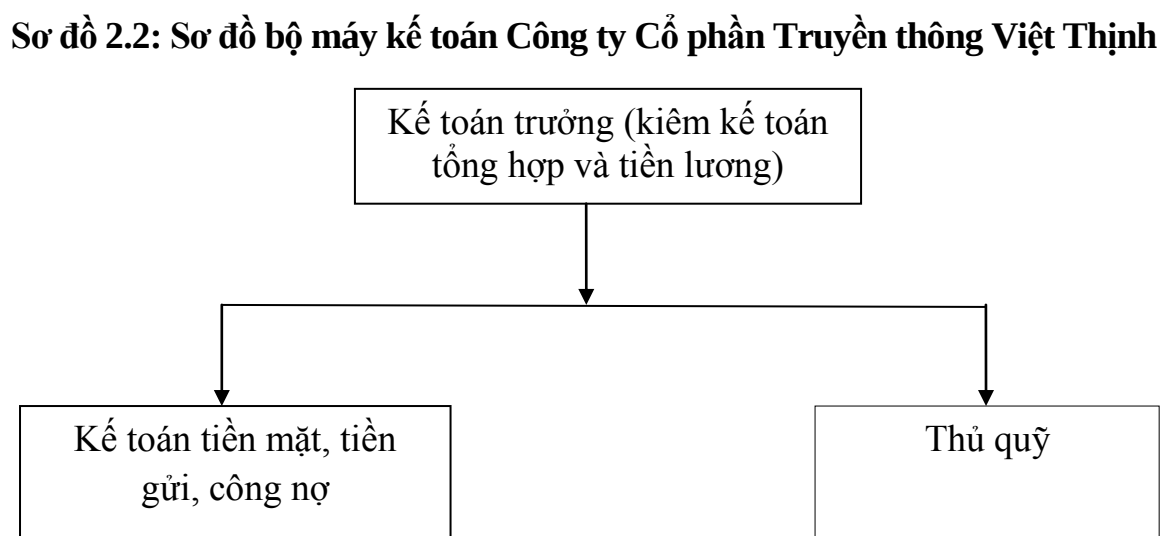
- **Phòng marketing:** Thực hiện các chương trình xúc tiến sản phẩm mới, quảng cáo sản phẩm mới, giới thiệu chăm sóc khách hàng.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý phù hợp với yêu cầu quản lý và trình độ của nhân viên kế toán, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung và bố trí thành phòng kế toán, chịu sự quản lý trực tiếp của ban giám đốc.

Công ty Cổ phần truyền thông Việt Thịnh là một đơn vị hạch toán độc lập nên bộ máy kế toán được phản ánh qua sơ đồ sau:



Nhiệm vụ của từng thành viên trong bộ máy kế toán được phân công như sau:

- Đứng đầu bộ máy kế toán là **kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và kế toán tiền lương**: Có chức năng giám sát mọi hoạt động chung của phòng kế toán. Theo dõi tình hình thanh toán lương, phụ cấp, trợ cấp với các cán bộ công nhân trong toàn công ty. Cuối kỳ tập hợp các khoản mục chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tổng hợp số liệu báo cáo tài chính, tư vấn cho giám đốc hoạt động tương lai của công ty.

- **Kế toán tiền mặt, tiền gửi, công nợ**: có nhiệm vụ ghi chép các khoản thu, chi tiền mặt; gửi vào, rút ra tiền gửi ngân hàng; phải thu, phải trả, công nợ của công ty với bạn hàng và ngược lại...

- **Thủ quỹ**: Đảm bảo các hoạt động quản lý và thu, chi tiền mặt tại quỹ của công ty.

2.1.5.2. Hình thức kế toán và một số chế độ kế toán áp dụng.

- Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty: Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

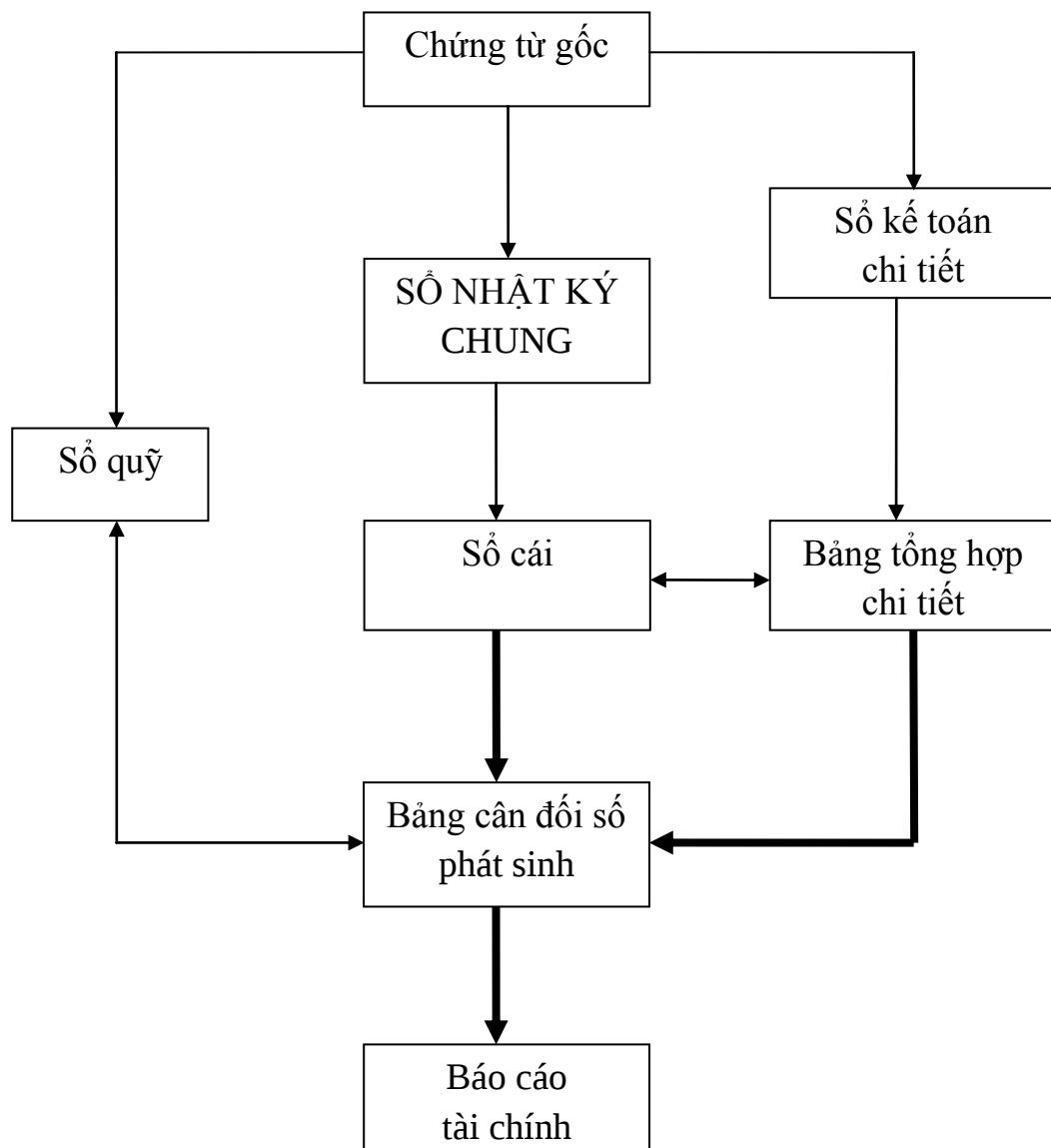
- Tổ chức hệ thống tài khoản tại Công ty: Công ty vận dụng hệ thống Tài khoản kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty: công ty hiện đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

- Niên độ kế toán tại công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

Trình tự hạch toán theo hình thức “nhật ký chung” tại Công ty cổ phần truyền thông Việt Thịnh được thể hiện như sau:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối kỳ
- ↔ Kiểm tra đối chiếu

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là Sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế

(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Với hình thức kế toán nhật ký chung, hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để lập định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết liên quan, cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó lập các bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập bảng tổng kết tài sản và các báo biểu kế toán khác.

Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật ký chung:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hệ thống chứng từ tại công ty:

- Chứng từ tiền mặt: Gồm phiếu thu, phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán...
- Chứng từ ngân hàng: Giấy báo nợ, giấy báo có, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi...
- Chứng từ mua hàng: Hoá đơn GTGT ...
- Các chứng từ khác: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương...

2.2. Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.1.1. Đặc điểm về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Do đặc điểm kinh doanh của Công ty là dịch vụ, chuyên về truyền thông và tổ chức sự kiện, in ấn logo, thiết kế, sáng tạo sự kiện và thực hiện các chương trình truyền thông thương hiệu nên doanh thu của công ty là từ việc cung cấp trọn gói các dịch vụ trên.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 GTGT – 3LL), Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- + Liên 1(màu trắng): lưu tại phòng tài chính kế toán của công ty.
- + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng
- + Liên 3 (màu xanh): luân chuyển nội bộ
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu thu....

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

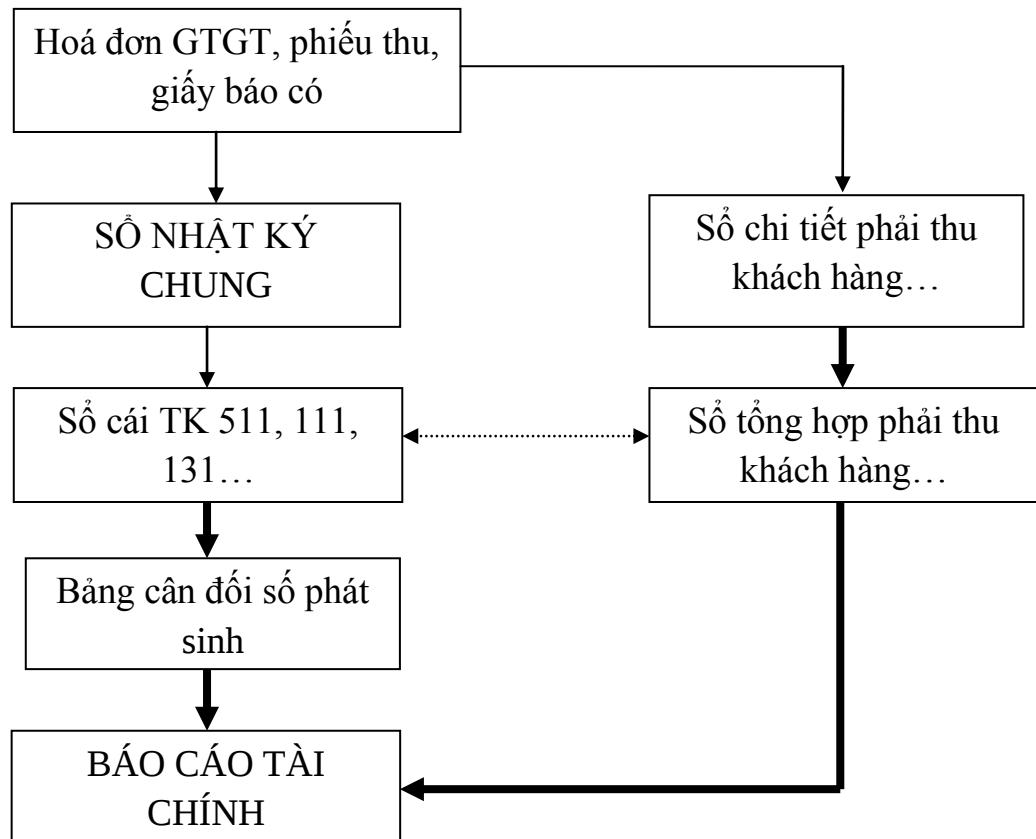
- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 111, 112, 131, 3331...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, khi công ty cung cấp dịch vụ cho khách hàng, kế toán sẽ ghi hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT là hóa đơn bán hàng, là căn cứ để đơn vị hạch toán doanh thu, thuế GTGT đầu ra.

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán nhập số liệu vào: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 511, 131, 333, 111....Cuối kỳ tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh và lập Báo cáo tài chính.

Thao tác cụ thể em xin trình bày ở ví dụ sau đây:

Ví dụ 1: Ngày 6/11/2012, công ty CP Truyền thông Việt Thịnh thực hiện dịch vụ tổ chức chương trình bốc thăm trúng thưởng trong tháng tri ân khách hàng cho chi nhánh tập đoàn Viettel, tổng tiền thanh toán là 13.651.000, thuế GTGT 10% (tính theo phương pháp khấu trừ). Viettel đã thanh toán ngay cho công ty bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000113 (biểu số 2.1.1), phiếu báo có (biểu số 2.1.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ 112: 13.651.000

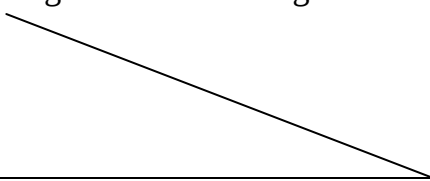
Có 511: 12.410.000

Có 3331: 1.241.000

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1.3). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.1.4)... Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.1.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 06 tháng 11 năm 2012			Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số: 0000113																
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Truyền Thông Việt Thịnh Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, Hải Phòng. Số tài khoản: 19577686-Ngân hàng VPBank Ngô Quyền- HP..... Điện thoại: 0313.855799 MS thuế																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>2</td><td>2</td><td>9</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td><td> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	7	8	8	2	2	9				
0	2	0	0	7	8	8	2	2	9										
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Chi nhánh Viettel Hải Phòng - Tập đoàn Viễn thông Quân đội Địa chỉ: Đường Lê Hồng Phong - Phường Thành Tô - Quận Hải An - Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK MS:																			
<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>9</td><td>1</td><td>0</td><td>6</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td><td> </td> </tr> </table>						0	1	0	0	1	0	9	1	0	6				
0	1	0	0	1	0	9	1	0	6										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Dịch vụ tổ chức chương trình bốc thăm trúng thưởng trong tháng tri ân khách hàng 				12.410.000														
Cộng tiền hàng:					12.410.000														
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1.241.000														
Tổng cộng tiền thanh toán					13.651.000														
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng chẵn.																			
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)															
Cần đối chiếu kiểm tra, lập, giao nhận hóa đơn																			



Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Mẫu số: 01GTKT2/001

Địa chỉ: Số 8 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ký hiệu: TV/11T

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 6/11/2012

Số tài khoản: 19577685

Loại tiền tệ: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số CIF khách hàng: 475167

Khách hàng: Công ty CP truyền Thông Việt Thịnh
FT1231405803\BNK

Số chứng từ:

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Tập đoàn viễn thông quân đội thanh toán tiền thuê âm thanh, ánh sáng, ca sĩ cho chương trình bốc thăm trúng thưởng tri ân khách hàng	13.651.000

Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu sáu trăm năm mươi một nghìn đồng chẵn.

Người lập phiếu

Kiểm soát viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.1.2: Phiếu báo có của ngân hàng VPBank.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Đã ghi SC	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
...	...	...	...	...	...	...	...
15/10	HĐ0002388	15/10	Thanh toán tiền in bạt, in đề can nhựa tiền phong cho xí nghiệp tập thể 19/3	154 133 111	x x x	8.362.020 836.202	9.198.222
16/10	HĐ0000211	16/10	Thanh toán tiền tiếp khách cho anh Huy	642 133 111	x x x	1.633.636 163.364	1.797.000
...	...	...	...	...	...	...	...
06/11	PBC12314 05803	06/11	Doanh thu từ dịch vụ tổ chức chương trình bốc thăm trúng thưởng trong tháng tri ân khách hàng cho chi nhánh Viettel	112 511 3331	x x x	13.651.000	12.410.000 1.241.000
7/11	PBC12314 09524	7/11	Sài gòn Tousrist thanh toán theo thanh lý hợp đồng	112 131	x x	64.847.060	64.847.060
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			90.058.410.356	90.058.410.356

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)
Biểu 2.1.3: Sổ Nhật ký chung

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Đã ký)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...		...	...
9/10	HĐ0000102	Doanh thu từ DV tổ chức hội nghị khách hàng cho công ty CP quốc tế Samnec	111		10.000.000
15/10	HĐ0000103	Doanh thu từ dịch vụ làm và treo banner quảng cáo cho công ty bảo hiểm Bưu điện HP	111		3.000.000
...	...	...		...	...
6/11	PBC1231405803	Doanh thu từ DV tổ chức chương trình bốc thăm trúng thưởng cho chi nhánh Viettel	112		12,410,000
14/11	PBC1231506018	Doanh thu từ DV cung cấp sơ đồ pano lớn cho cung văn hóa thể thao Thanh niên	112		8.900.000
...	...	...		...	...
31/12	PKT0545	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1.328.949.585	
		Số phát sinh		1.328.949.585	1.328.949.585
		Lũy kế số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.1.4: Sổ Cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.2.1. Đặc điểm về giá vốn hàng bán của công ty.

Do đặc tính của công ty là chuyên cung cấp dịch vụ toàn diện về truyền thông và tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển thương hiệu từ việc nghiên cứu, phân tích xu hướng, lập chiến lược định vị, chiến lược khác biệt, sáng tạo tên thương hiệu, logo, thiết kế, sáng tạo sự kiện và thực hiện các chương trình truyền thông thương hiệu, nên toàn bộ chi phí để phục vụ cho việc tổ chức chương trình, sự kiện công ty đều hạch toán vào tài khoản 154. Trên cơ sở đó có thể xác định giá vốn bằng cách kết chuyển chi phí từ tài khoản 154 sang tài khoản 632.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng.

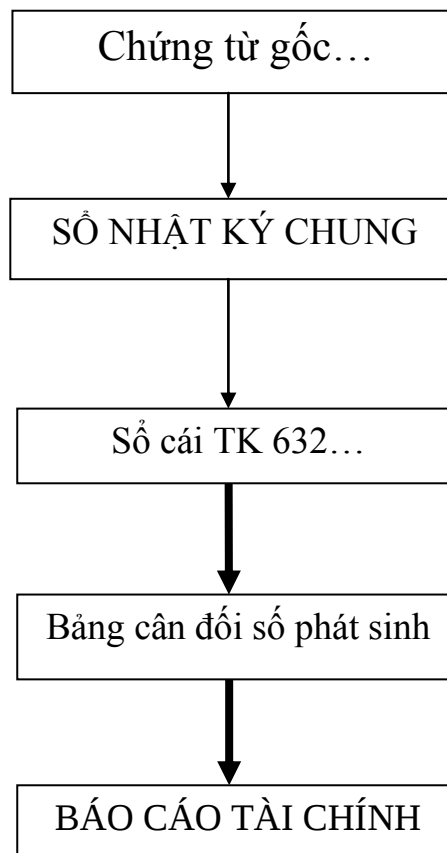
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng.

- TK 632: Giá vốn hàng bán.
- TK 154: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

2.2.2.4. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Công ty



Ghi chú: - Ghi hàng ngày: —————→

- Ghi định kỳ: —————→

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán làm căn cứ ghi vào sổ cái tài khoản 154,632...

- Cuối kỳ từ sổ cái các tài khoản được sử dụng lập bảng cân đối phát sinh, số liệu từ bảng cân đối phát sinh được sử dụng lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 15/11/2012, công ty CP Truyền thông Việt Thịnh đặt in bancroll và sản xuất pano tại công ty TNHH Thương Mại Thiết bị Long Châu. Tổng tiền thanh toán là 17.380.000 đồng, trong đó thuế GTGT 10% (tính theo phương pháp khấu trừ). Công ty Việt Thịnh đã thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000163 (biểu số 2.2.1) và phiếu chi (biểu số 2.2.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK154: 15.800.000

Nợ TK133: 1.580.000

Có TK111: 17.380.000

Căn cứ vào các chứng từ khác liên quan trong tháng, cuối tháng kế toán tập hợp chi phí phát sinh trong quá trình làm dịch vụ cả tháng và lập phiếu kế toán (biểu 2.2.3) kết chuyển chi phí sang giá vốn, định khoản như sau:

Nợ TK632: 123.628.975

Có TK154: 123.628.975

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.4). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 154 (biểu số 2.2.5). Từ sổ cái TK 154, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 632 (biểu số 2.2.6)... Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng. Ngày 15 tháng 11 năm 2012			Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số: 0000163															
Đơn vị bán hàng: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Thiết Bị Long Châu Địa chỉ: Số 382 Lê Thánh Tông, phường Máy chay, quận Ngô Quyền, Hải Phòng..... Số tài khoản: Điện thoại: MS thuế																		
			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> </tr> </table>	0	2	0	1	0	0	5	2	0	9	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>				
0	2	0	1	0	0	5	2	0	9									
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM MS thuế:																		
			<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> </tr> </table>	0	2	0	0	7	8	8	2	2	9	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> <td style="width: 20px; text-align: center;"> </td> </tr> </table>				
0	2	0	0	7	8	8	2	2	9									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6=4x5													
1	- In 50 chiếc bandroll	m ²	400	23.000	9.200.000													
2	- Treo bandroll	chiếc	50	60.000	3.000.000													
3	- Sản xuất pano	m ²	15	240.000	3.600.000													
Cộng tiền hàng:					15.800.000													
Thuế GTGT: 10 %					Tiền thuế GTGT: 1.580.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					17.380.000													
Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.																		
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)														
Cần đối chiếu kiểm tra, lập, giao nhận hóa đơn																		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số 02 - TT

Công ty Cổ Phần Truyền Thông Việt Thịnh

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 11 năm 2012

Số: 520

Nợ TK 154: 15.800.000

Nợ TK 133: 1.580.000

Có TK 111: 17.380.000

Họ và tên người nhận tiền : Công ty TNHH Thương Mại Thiết Bị Long Châu.

Địa chỉ: Số 382 Lê Thánh Tông – Máy Chai – Ngô Quyền – HP.

Lý do chi: Dịch vụ in bandroll, treo bandroll, sản xuất pano.

Số tiền :..... 17.380.000.....(Viết bằng chữ): Mười bảy triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền.....

Ngày 15 tháng 11 năm
2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Người nhận tiền

Thủ quỹ

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.2.2. Phiếu chi

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Số 0532

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí dịch vụ tháng 11	632	154	123.628.975
	Cộng			123.628.975

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.3: Phiếu kế toán số 0532.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Đã ghi SC	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
...	...	...	...	...	...	...	...
15/10	HĐ0002388	15/10	Thanh toán tiền in bạt, in đề can nhựa tiền phong cho xí nghiệp tập thể 19/3	154 133 111	x x x	8.362.020 836.202	9.198.222
16/10	HĐ0000211	16/10	Thanh toán tiền tiếp khách cho anh Huy	642 133 111	x x x	1.633.636 163.364	1.797.000
...	...	...	...	...	...	...	...
15/11	HĐ0000163	15/11	Thanh toán tiền in banclroll , treo bandroll , sản xuất pano cho Công ty TNHH TM Thiết bị Long Châu	154 133 111	x x x	15.800.000 1.580.000	17.380.000
17/11	HĐ0000328	17/11	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty TNHH Công nghệ thiết bị bảo vệ Việt An	154 133 111	x x x	1.200.000 120.000	1.320.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			90.058.410.356	90.058.410.356

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.2.4: Sổ nhật ký chung.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngõ Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
12/11	HĐ0000159	Thanh toán dịch vụ treo phướn cho công ty TNHH TM thiết bị Long Châu	111	17.500.000	
15/11	HĐ0000163	Thanh toán tiền in banclroll, sản xuất pano cho Công ty TNHH TM Thiết bị Long Châu	111	15.800.000	
17/11	HĐ000328	Thanh toán cước vận chuyển cho công ty TNHH Công nghệ thiết bị bảo vệ Việt An.	111	1.200.000	
...	...	...		...	...
30/11	PKT0532	Kết chuyển chi phí dịch vụ tháng 11	632		123.628.975
		Số phát sinh		123.628.975	123.628.975
		Lũy kế số phát sinh			
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.2.5: Sổ cái tài khoản 154.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
30/9	PKT0495	Kết chuyển chi phí T9	154	175.583.911	
31/10	PKT0515	Kết chuyển chi phí T10	154	143.469.020	
30/11	PKT0532	Kết chuyển chi phí T11	154	123.628.975	
31/12	PKT0543	Kết chuyển chi phí T12	154	250.297.042	
31/12	PKT0546	Kết chuyển giá vốn năm 2012	911		1.144.473.178
		Số phát sinh		1.144.473.178	1.144.473.178
		Lũy kế số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

Biểu số 2.2.6: Sổ cái tài khoản 632.

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.3.1. Đặc điểm về chi phí quản lý kinh doanh của công ty.

Chi phí quản lý kinh doanh tại công ty là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ và liên quan đến hoạt động quản lý của công ty bao gồm chi phí lưu kho bãi chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí lương nhân viên quản lý chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh, kế toán vẫn phản ánh chi phí bán hàng bằng tài khoản 641 và chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tài khoản 642.

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi.
- Ủy nhiệm chi
- giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 641, 642
- Tài khoản 111, 112, 131...

2.2.3.4. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán Chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→

- Ghi định kỳ: =====>

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái tài khoản 641, tài khoản 642 và các tài khoản có liên quan.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối phát sinh lập báo cáo tài chính.

VD3: Ngày 8/11/2012, công ty CP Truyền thông Việt Thịnh sửa chữa máy tính và đổ mực máy in tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tin học Tiến Phát. Tổng tiền thanh toán là 390.000 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty Việt Thịnh đã thanh toán ngay cho công ty Tiến Phát bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000045 (biểu số 2.3.1) và cách chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 642: 354.545

Nợ TK133: 35.455

Có TK 111: 390.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3.3).

Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.3.4), TK 133, TK 111.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.3.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng. Ngày 08 tháng 11 năm 2012			Mẫu số : 01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/12P Số: 0000045																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Tin Học Tiến Phát																			
Địa chỉ: Số 111C/33/112A đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, HP.																			
Số tài khoản:																			
Điện thoại: 0312.861929		MS thuế		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>5</td><td>9</td><td>0</td><td>6</td><td>6</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td><td> </td> </tr> </table>		0	2	0	1	2	5	9	0	6	6				
0	2	0	1	2	5	9	0	6	6										
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.....																			
Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray- Ngô Quyền - Hải Phòng																			
Số tài khoản:																			
Hình thức thanh toán: TM		MS thuế:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>2</td><td>2</td><td>9</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; width: 40px;"> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td><td> </td> </tr> </table>		0	2	0	0	7	8	8	2	2	9				
0	2	0	0	7	8	8	2	2	9										

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	- Đồ mực máy in	Cái	02	72.727	145.454
2	- Sửa chữa máy tính	Cái	01	209.091	209.091
Cộng tiền hàng:					354.545
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					35.455
Tổng cộng tiền thanh toán					390.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn/</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>Cần đối chiếu kiểm tra, lập, giao nhận hóa đơn</i>					

Mẫu số: 02 - TT

Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 11 năm 2012

Số: 509

Nợ TK 642: 354.545

Nợ TK 133: 35.455

Có TK 111: 390.000

Họ và tên người nhận tiền : Công ty TNHH TM Dịch vụ Kỹ thuật Tin học Tiến Phát

Địa chỉ: Số 111C/33/112A đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, HP

Lý do chi: Dịch vụ đổ mực máy in, sửa chữa máy tính.

Số tiền :..... 390.000.....(Viết bằng chữ): *Ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./*

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền.....

Ngày 08 tháng 11 năm 2012.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>	<i>(Đã ký)</i>

Biểu 2.3.2. Phiếu chi.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngõ Quyền, HP.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Đã ghi SC	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
...	...	...	...	...	...	...	...
16/10	HĐ0000211	16/10	Thanh toán tiền tiếp khách cho anh Huy	642 133 111	x x x	1.633.636 163.364	1.797.000
...	...	...	...	...	...	...	...
7/11	PBC12314 09524	7/11	Sài gòn Tousrist thanh toán theo thanh lý hợp đồng	112 131	x x	64.847.060	64.847.060
08/11	HĐ0000045	08/11	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính, đổ mực máy in cho Công ty TNHH TM Tin học Tiến Phát	642 133 111	x x x	354.545 35.455	390.000
10/11	HĐ0000175	10/11	Thanh toán tiền DV sản xuất backdrop, pano cho công ty TNHH TM Thiết bị Long Châu	154 133 111	x x x	12.200.000 1.220.000	13.420.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			90.058.410.356	90.058.410.356

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.3.3: Sổ nhật ký chung

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngõ Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642 Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
15/10	HĐ0000277	Thanh toán tiền sửa điều hòa cho công ty TNHH Quyết Tiến	111	500.000	
...	...	...	...	...	...
05/11	HĐ1045951	Thanh toán tiền cước internet và máy fax tháng 10/2012	111	370.200	
08/11	HĐ0000045	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính, đồ mực máy in cho Công ty TNHH TM Tin học Tiến Phát	111	354.545	
12/11	HĐ0013901	Thanh toán tiền mua hàng hóa tổng hợp tại siêu thị BigC	111	632.727	
...	...	...	...	...	...
31/12	PKT0546	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642		112.219.899
		Số phát sinh		112.219.899	112.219.899
		Lũy kế số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.3.4: Sổ cái tài khoản 642.

2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu tài chính và chi phí tài chính của công ty.

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu là lãi từ tiền gửi NH.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí chuyển tiền qua NH.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu báo có, phiếu báo nợ.
- Sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

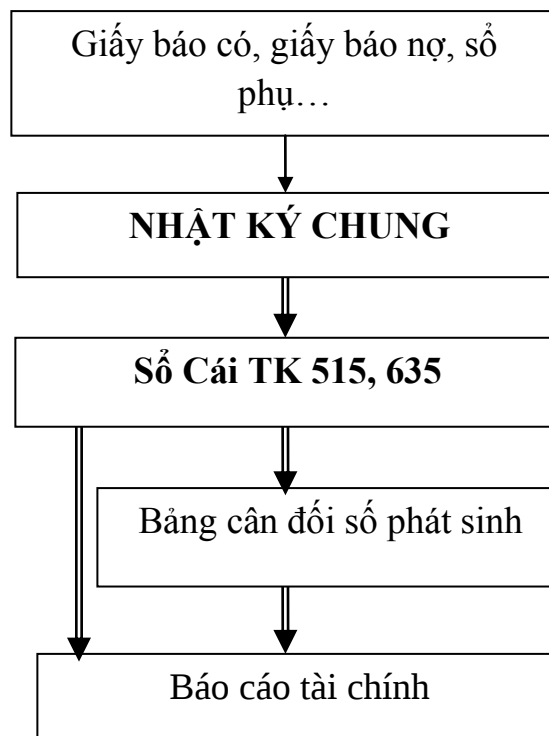
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 112: tiền gửi ngân hàng.
- Và các tài khoản khác có liên quan.

2.2.4.4. Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Doanh thu tài chính, Chi phí tài chính.



Ghi chú: - Ghi hàng ngày →

- Ghi định kỳ ==>

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515, 635,...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối Số phát sinh, từ bảng cân đối Số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 4: Ngày 31/10/2012, công ty CP Truyền Thông Việt Thịnh thu tiền lãi số dư từ ngân hàng VP Bank chi nhánh Hải Phòng.

Căn cứ vào phiếu báo có số 19577685-20121031 (biểu số 2.4.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 6.225

Có TK 515: 6.225

Ví dụ 5: Ngày 25/10/2012, Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh thanh toán phí chuyển tiền cho ngân hàng VP Bank chi nhánh Hải Phòng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 2772514 (biểu số 2.4.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 635: 25.000

Nợ TK 133: 2.500

Có TK 112: 27.500

Từ các bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4.3)

Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.4.4), sổ cái TK 635 (biểu số 2.4.5) và các TK có liên quan.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.



Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Mẫu số: 01GTKT2/001

Địa chỉ: Số 8 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ký hiệu: TV/11T

PHIẾU BÁO CÓ

Ngày 31/10/2012

Số tài khoản: 19577685

Loại tiền tệ: VND

Loại tài khoản: Tiền gửi thanh toán

Số CIF khách hàng: 475167

Khách hàng: Công ty CP truyền Thông Việt Thịnh

Số chứng từ: 19577686-

20121031

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Hạch toán lãi	6.225

Số tiền bằng chữ: Sáu nghìn hai trăm hai mươi năm đồng chẵn.

Người lập phiếu

Kiểm soát viên

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.4.1. phiếu báo có của ngân hàng VPBank



Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

Địa chỉ: Số 8 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mẫu số: 01GTKT2/001

Ký hiệu: TV/11T

Số: 2772514

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: giao khách hàng

Ngày hóa đơn: 25/10/2012

Đơn vị bán hàng: VPBank Hải Phòng

Địa chỉ: Số 31-33 Phạm Ngũ Lão, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: (84-313) 757 799

Mã số thuế(VAT): 0100233583-004

Tên khách hàng: Công ty CP Truyền Thông Việt Thịnh

Mã khách hàng: 475167

Mã số thuế(VAT): 0200788229

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray – Ngô Quyền – HP

Khoản	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND
Tiền phí	25.000	25.000
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế	2.500	2.500
Tổng cộng tiền thanh toán	27.500	27.500

Số tiền bằng chữ: ***Hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.***

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền cung cấp các hạng mục tổ chức sự kiện.

Ngày 30 tháng 11 năm 2012

Khách hàng

(Đã ký)

Kiểm soát

(Đã ký)

Nhân viên giao dịch

(Đã ký)

Biểu 2.4.2. hóa đơn GTGT của ngân hàng VPBank.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngõ Quyền, HP.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đã ghi sổ cái	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			...	...
	..	...	...	...	...	...	...
25/10	HĐ2772514	25/10	Thanh toán phí chuyển tiền	635 133 112	x x x	25.000 2.500	27.500
27/10	HĐ0000107	27/10	Công ty CP đồ hộp Hạ Long thanh toán tiền dịch vụ quảng cáo	112 511 3331	x x x	14.520.000	13.200.000 1.320.000
30/10	PC498	30/10	Thanh toán tiền vệ sinh văn phòng cho chị Vũ Thị Hợi	642 111	x x	500.000	500.000
31/10	HĐ20121031	31/10	Ngân hàng thanh toán lãi tiền gửi	112 515	x x	6.225	6.225
		...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm			90.058.410.356	90.058.410.356

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.4.3: Sổ nhật ký chung.

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
31/10	PBC20121031	Ngân hàng trả lãi số dư	112		6,225
30/11	PBC25921247	Ngân hàng trả lãi số dư	112		15.622
31/12	PBC29865351	Ngân hàng trả lãi số dư	112		17.620
31/12	PKT0545	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	476.467	
		Số phát sinh		476.467	476.467
		Lũy kế số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu số 2.4.4: Sổ cái tài khoản 515.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
19/9	HĐ2236241	Phí chuyển tiền	112	20.000	
25/10	HĐ2772514	Phí chuyển tiền	112	25.000	
21/12	HĐ2994362	Phí chuyển tiền	112	30.000	
31/12	PKT0546	Kết chuyển chi phí tài chính	911		401.267
		Số phát sinh		401.267	401.267
		Lũy kế số phát sinh			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

Biểu số 2.4.5: Sổ cái tài khoản 635.

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

2.2.5.1. Đặc điểm xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh chủ yếu kinh doanh dịch vụ truyền thông và tổ chức sự kiện nên kết quả kinh doanh chủ yếu gắn với các chương trình, sự kiện. Số liệu mang tính chất kế thừa, tổng hợp của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó, vì thế để đảm bảo thông tin chính xác,

kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí.

2.2.5.2. *Chứng từ sử dụng.*

- Phiếu kế toán.

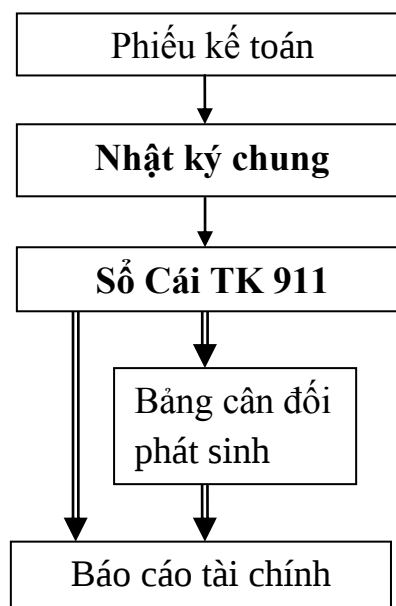
Cách lập phiếu kế toán: Cuối kỳ tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.3. *Chứng từ sử dụng.*

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 333, 511, 515, 632, 642, 635, 421...

2.2.5.4. *Quy trình hạch toán.*

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh.



Ghi chú: Ghi hàng ngày $\longrightarrow$
Ghi định kỳ $\Longrightarrow$

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, sang bên Nợ Tài khoản 911.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên có Tài khoản 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421- Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ Tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước như sau:

$$\begin{aligned} \text{Xác định thu nhập chịu thuế} &= \text{Số phát sinh bên có TK 911} - \text{Số phát sinh bên nợ TK 911} \\ \text{Thuế TNDN phải nộp} &= \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \end{aligned}$$

Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên có TK 421- “Lợi nhuận sau thuế”.

Cuối tháng 12/2012, Công ty thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4/2012.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kế toán xác định thuế TNDN mà công ty phải nộp, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ.

- Sau đó, kế toán ghi sổ cái TK 911 và sổ cái TK 421.

Ví dụ 6: *Kế toán thực hiện xác định kết hoạt động kinh doanh của công ty năm 2012.*

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.328.949.585 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính: 476.467 đồng
- Giá vốn hàng bán: 1.144.473.178 đồng
- Chi phí tài chính: 401.267 đồng
- Chi phí quản lý kinh doanh: 112.219.899 đồng

Ta có:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần từ bán hàng	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
--	---	--------------------------------------	---	---------------------------	---	--	---	-------------------------	---	-------------------------------------

Khi đó, kết quả kinh doanh = $1.328.949.585 - 1.144.473.178 + 476.467 - 401.267 - 112.219.899 = 72.331.708$ đồng > 0

⇒ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm 2012 là lãi

⇒ Thuế thu TNDN phải nộp = $72.331.708 * 25\% = 18.082.927$ đồng

⇒ Lợi nhuận sau thuế = 54.248.781 đồng.

Sau khi xác định lãi, kế toán tổng hợp kết chuyển sang tài khoản 421.

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu kế toán ghi có TK 911 (biểu số 2.5.1), phiếu kế toán ghi nợ TK911 (biểu số 2.5.2), phiếu kế toán xác định chi phí thuế TNDN (biểu 2.5.3), phiếu kế toán kết chuyển thuế TNDN (biểu 2.5.4), phiếu kế toán kết chuyển lãi (biểu 2.5.5)

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5.6). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.5.7), TK821, TK421,...

Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 0545

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012	511	911	1.328.949.585
2	Kết chuyển doanh thu tài chính năm 2012	515	911	476.467
	Cộng			1.329.426.052

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.1. Phiếu kế toán số 0545.

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 0546

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2012	911	632	1.144.473.178
2	Kết chuyển chi phí tài chính năm 2012	911	635	401.267
3	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2012	911	642	112.219.899
	Cộng			1.257.094.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.2: Phiếu kế toán số 0546.

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 0547

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012	821	3334	18.082.927
	Cộng			18.082.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.3: Phiếu kế toán số 0547.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 0548

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012	911	821	18.082.927
	Cộng			18.082.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.4: Phiếu kế toán số 0548.

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngô Quyền, HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 0549

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi năm 2012	911	421	54.248.781
	Cộng			54.248.781

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.5: Phiếu kế toán số 0549.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2012

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang		...	...
	..	...	...	...	...	...
31/12	PKT0545	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	676.286.454	676.286.454
31/12	PKT0545	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính	515 911	354.834	354.834
31/12	PKT0546	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	480.454.042	354.834
31/12	PKT0546	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	41.381.264	41.381.264
31/12	PKT0546	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911 635	165.000	165.000
31/12	PKT0547	31/12	Xác định Thuế TNDN phải nộp	821 3334	38.660.246	38.660.246
31/12	PKT0548	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911 821	38.660.246	38.660.246
31/12	PKT0549	31/12	Kết chuyển lãi	911 421	115.980.737	115.980.737
			Cộng phát sinh năm		90.058.410.356	90.058.410.356

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.5.6: Sổ nhật ký chung.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...
31/12	PKT0545	Kết chuyển DT bán hàng và cung cấp DV	511		1.328.949.585
31/12	PKT0545	Kết chuyển DT HĐ tài chính	515		476.467
31/12	PKT0546	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	1.144.473.178	
31/12	PKT0546	Kết chuyển chi phí QLDN	642	112.219.899	
31/12	PKT0546	Kết chuyển chi phí tài chính	635	401.267	
31/12	PKT0548	Kết chuyển Thuế TNDN	821	18.082.927	
31/12	PKT0549	Kết chuyển lãi	421	54.248.781	
		Cộng phát sinh		1.329.426.052	1.329.426.052

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.5.7: Sổ cái tài khoản 911.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh.

Địa chỉ: Số 55 Lạch Tray, Ngô Quyền, HP.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.25	1.328.949.585	1.856.002.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	1.328.949.585	1.856.002.583
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.144.473.178	1.619.363.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	VI.29	184.476.407	236.638.707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	476.467	295.528
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		401.267	797.807
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		112.219.899	210.587.554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { (30=20+(21-22)+(24+25) }	30		72.331.708	25.548.874
11. Thu nhập khác	31		-	209.599.843
12. Chi phí khác	32		-	186.570.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	23.029.843
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		72.331.708	48.578.717
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	18.082.927	12.144.679
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		54.248.781	36.434.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.5.8: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012.

CHƯƠNG 3:
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG
VIỆT THỊNH.

3.1. Đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh tuy là một doanh nghiệp nhỏ mới thành lập và còn gặp nhiều khó khăn trong công việc kinh doanh, nhưng trong những năm qua công ty luôn cố gắng từng bước phát triển và đi vào ổn định với cơ chế mới, mở rộng kinh doanh, tạo được uy tín với khách hàng, hoàn thành chỉ tiêu kinh tế mà công ty đề ra, thực hiện đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty đã tự tìm cho mình một hướng đi phù hợp. Để có được kết quả như hiện nay, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý chặt chẽ và khoa học, lựa chọn những cán bộ có nghiệp vụ vững vàng và tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đắc lực vào công tác quản lý, giám sát tài chính của công ty. Với đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công việc được bố trí phù hợp với khả năng của mỗi người giúp việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý tương đối kịp thời. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định, đơn giản nhưng phản ánh đầy đủ nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.

Trong công tác kế toán, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh doanh của công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Mặc dù có bề dày phát triển chưa lâu nhưng công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh đã và đang khẳng định được chỗ đứng của mình trên thị trường. Để có được như ngày hôm nay thì không thể không kể đến những cố gắng, nỗ lực của đội ngũ nhân viên tận tụy, nhiệt tình với công việc, chịu khó tìm tòi học hỏi để đổi mới, xây dựng công ty vững mạnh. Có thể kể đến một số ưu điểm của công ty như sau:

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh:

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp hoạt động kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng cho ban Giám đốc.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ, có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình trong công tác cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mỗi kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể một cách hợp lý. Các kế toán viên phải chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về công việc mình được giao, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời, chính xác cho đối tượng sử dụng. Điều này giúp cho công tác quản lý của Công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

Về tổ chức công tác kế toán:

Việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình của Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của công ty.

- *Về chứng từ kế toán:* Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá

trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu quản lý. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy, bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- *Về sổ sách kế toán:* Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

- *Về hệ thống tài khoản sử dụng:* Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty đều được phản ánh đầy đủ trong hệ thống chứng từ kế toán. Công ty áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính qui định.

- *Về hệ thống báo cáo kế toán:* Công ty đã lập đầy đủ hệ thống báo cáo kế toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính và nộp cho Nhà nước theo đúng thời gian quy định.

Về hạch toán kế toán xác định kết quả HĐ kinh doanh tại Công ty:

- *Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở

quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- *Về công tác kế toán chi phí*: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- *Về kế toán xác định kết quả kinh doanh*: Trên cơ sở đặc điểm của kết quả kinh doanh tại công ty, kế toán doanh thu, thu nhập và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: Cơ quan thuế, ngân hàng... doanh nghiệp còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo doanh nghiệp, giúp cho ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn về hoạt động kinh doanh của công ty, đặt ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được coi trọng đúng mức và bố trí kế toán có trình độ nghiệp vụ cao.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, hệ thống kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại những mặt nhất định chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích và làm sáng tỏ, để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm khắc phục tồn tại, giúp cung cấp thông tin đầy đủ và hoàn thiện hơn để ban lãnh đạo có thể đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Cụ thể:

- Thứ nhất: về sổ sách sử dụng.

Việc tập hợp và hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng mẫu sổ cái cho các tài khoản. Hiện nay, công ty vẫn đang sử dụng sai mẫu sổ cái cho các tài khoản. Việc này làm ảnh hưởng tới quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh

tế phát sinh, dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót trong việc tập hợp số liệu để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- Thứ hai: về việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Hiện công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Theo đó, tài khoản 642 - chi phí quản lý kinh doanh bao gồm 2 tài khoản chi tiết là tài khoản 6421 – chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, kế toán không sử dụng 2 tài khoản trên để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, mà sử dụng tài khoản 641 – chi phí bán hàng và tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp như quyết định số 15 của Bộ tài chính. Đây có thể xem là một sai sót trong việc sử dụng hệ thống tài khoản để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh mà doanh nghiệp cần sửa đổi để phù hợp với đúng quyết định số 48 của Bộ tài chính mà doanh nghiệp đang áp dụng.

- Thứ ba: về việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào công tác kế toán

Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng lại chưa sử dụng phần mềm kế toán. Hiện việc ghi chép kế toán vẫn còn thực hiện thủ công với sự hỗ trợ excel trên máy vi tính nên vẫn còn tồn tại một số hạn chế như mất nhiều thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót và đôi khi còn trùng lặp ở một số khâu.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là sự cần thiết khách quan. Bởi:

Thứ nhất: Do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán

vừa mang tính định tính, vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai: Mỗi doanh nghiệp khi hoạt động kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định để nâng cao doanh thu, tiết kiệm và hạ thấp chi phí, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính về kinh tế là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho nhà quản trị, cho các nhà đầu tư,... Để đảm bảo được yêu cầu sử dụng và cung cấp thông tin, công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung, đặc biệt là hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Thứ ba: Trong bối cảnh hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đang từng bước trong lộ trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế nhưng cũng phải đảm bảo thích hợp với điều kiện, kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể Việt Nam đã ban hành luật kế toán và gần đây hệ thống chuẩn mực kế toán dựa theo nguyên tắc tuân thủ các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên quá trình đổi mới đó đang trong giai đoạn đầu nên khó tránh khỏi những bất cập. Hệ thống kế toán Việt Nam đang cần có những sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện sao cho phù hợp với điều kiện trong nước. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là một phần rất quan trọng cần được hoàn thiện.

Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của các

doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh nói riêng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và yêu cầu tiến hành hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

3.2.2.1. Một số nguyên tắc hoàn thiện.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo được sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng:

+ Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Đối với ngân hàng - giúp cho việc tính lãi vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi;

+ Đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo...

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của các đơn vị và đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.3. Ý nghĩa, tác dụng của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

- Đối với công tác quản lý: Hoàn thiện tính nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm. Điều tiết quá trình này cho phép tiết kiệm được chi phí, nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh một cách chính xác, hợp lý, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước.

- Đối với công tác kế toán: hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu

chính xác, tin cậy giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh.

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh ngày càng phải được chú trọng.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số giải pháp như sau:

Kiến nghị 1: Hoàn thiện mẫu sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Như hạn chế đã nêu trên, trong kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty vẫn còn sử dụng sai mẫu sổ cái các tài khoản. Việc này làm ảnh hưởng tới quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, dễ dẫn đến nhầm lẫn, sai sót trong việc tập hợp số liệu để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty nên sửa lại sổ cái theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Dưới đây là mẫu sổ cái theo quyết định số 48 của Bộ tài chính:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm

Tên tài khoản

Số hiệu

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
			Tổng cộng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ			

Ngàythángnăm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giả sử với Ví dụ 1 ở trên cách ghi chép vào Sổ cái được thực hiện như sau:

Ví dụ 1: Ngày 6/11/2012, công ty CP Truyền thông Việt Thịnh thực hiện dịch vụ tổ chức chương trình bốc thăm trúng thưởng trong tháng tri ân khách hàng cho chi nhánh tập đoàn Viettel, tổng tiền thanh toán là 13.651.000, thuế GTGT 10% (tính theo phương pháp khấu trừ). Viettel đã thanh toán ngay cho công ty bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000113 (biểu số 2.1.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ 112: 13.651.000

Có 511: 12.410.000

Có 3331: 1.241.000

Từ bút toán trên, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.1.2). Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 3.2.1)... Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: công ty CP Truyền thông Việt Thịnh

Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 511

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
..	...	...	...	...	...	...
9/10	HĐ0000102	9/10	Doanh thu từ DV tổ chức hội nghị khách hàng cho công ty CP quốc tế Samnec	111		10.000.000
15/10	HĐ0000103	15/10	Doanh thu từ dịch vụ làm và treo banner quảng cáo cho công ty bảo hiểm Bưu điện HP	111		3.000.000
..	...	...	...	...	...	...
6/11	PBC123140	6/11	Doanh thu từ DV tổ chức chương trình bốc thăm	112		12.410.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	5803		trúng thưởng của chi nhánh Viettel			
14/11	PBC123150 6018	14/11	Doanh thu từ DV cung cấp sơ đồ pano lớn cho cung văn hóa thể thao Thanh niên	112		8.900.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT0545		Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	1.328.949.585	
			Tổng cộng số phát sinh		1.328.949.585	1.328.949.585
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2.1: Sổ cái tài khoản 511.

Kiến nghị 2: Hoàn thiện việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Hiện tại công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính nhưng riêng chi phí quản lý kinh doanh lại sử dụng tài khoản theo quyết định 15 của Bộ tài chính. Điều này là vi phạm nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán. Đồng thời cũng dễ dẫn đến sự nhầm lẫn, sai sót trong quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như ảnh hưởng đến quá trình ghi chép sổ sách kế toán. Chính vì thế, công ty nên thống nhất lại việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh theo đúng quyết định 48 của Bộ tài chính mà công ty đang áp dụng. Việc này vừa là thực hiện đúng nguyên tắc kế toán, vừa giúp cho công ty đồng bộ được hệ thống tài khoản, lại tránh gây nhầm lẫn, sai sót dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Khi công ty thống nhất hệ thống tài khoản theo quyết định số 48 của Bộ tài chính thì hệ thống tài khoản và sổ sách được sử dụng cho chi phí quản lý kinh doanh sẽ như sau:

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh: là tất cả những khoản chi phí phát sinh từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ.... của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Tài khoản 642 được chia thành 2 tài khoản cấp 2:

+ TK 6421 – chi phí bán hàng

+ TK 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp.

+) Tài khoản 6421 – chi phí bán hàng: là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

Kết cấu TK 6421:

Nợ	TK 6421
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản chi phí giảm chi phí bán hàng (nếu có). - K/c chi phí bán hàng trong kỳ báo cáo.
Σ Phát sinh bên nợ	Σ Phát sinh bên có
<i>TK 6421 không có số dư cuối kỳ</i>	

Mẫu sổ cái tài khoản 6421:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: chi phí bán hàng

Số hiệu: 6421

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			Cộng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

+) Tài khoản 6422 – chi phí quản lý doanh nghiệp: tất cả các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kì kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý doanh nghiệp, bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Kết cấu TK 6422:

Nợ	TK 6422
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.	- Các khoản chi phí giảm chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu có). - K/c chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.
Σ Phát sinh bên nợ	Σ Phát sinh bên có
<i>TK 6422 không có số dư cuối kỳ</i>	

Mẫu sổ cái tài khoản 6422:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: chi phí bán hàng

Số hiệu: 6422

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
			Cộng số phát sinh			
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày...tháng...năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giả sử với Ví dụ 3 ở trên cách hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được thực hiện như sau:

Ví dụ 3: Ngày 8/11/2012, công ty CP Truyền thông Việt Thịnh sửa chữa máy tính và đổ mực máy in tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Tin học Tiến Phát. Tổng tiền thanh toán là 390.000 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty Việt Thịnh đã thanh toán ngay cho công ty Tiến Phát bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000045 (biểu số 2.3.1) và cách chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 642: 354.545

Nợ TK133: 35.455

Có TK 111: 390.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3.4).

Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 6422 (biểu số 3.2.2), TK 133, TK 111.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: công ty CP Truyền thông Việt Thịnh
Địa chỉ: Số 55 Lạch tray, Ngô Quyền, HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012

Tên tài khoản: chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số hiệu: 6422

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
...	...	...	...	...	...	
08/10	HD0804102	08/10	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 9/2012	111	350.200	
...	...	...	...	...	...	
05/11	HD1045951	05/11	Thanh toán tiền cước internet và máy fax tháng 10/2012	111	370.200	
08/11	HD0000045	08/11	Thanh toán tiền sửa chữa máy tính cho công ty TNHH Tin học Tiến Phát	111	354.545	
12/11	HD0013901	12/11	Thanh toán tiền mua hàng hóa tổng hợp tại siêu thị BigC	111	632.727	
...	...	...	...	...	...	
31/12	PKT0546	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		112.219.899
			Cộng số phát sinh		112.219.899	112.219.899
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.2.2: sổ cái tài khoản 6422.

Kiến nghị 3: Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.

Kế toán làm trên máy vi tính dùng bảng tính excel mất rất nhiều thời gian, đôi khi vẫn có sự nhầm lẫn về số liệu, gây ra nhiều sai sót không đáng có. Để giải quyết được hạn chế trên, công ty nên:

- Tổ chức huấn luyện, đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên phòng kế toán. Nếu số lượng nhân viên trong phòng kế toán còn thiếu, chưa đủ hoàn thành tốt công việc được giao, công ty có thể tuyển bổ sung thêm nhân viên, ưu tiên những ứng viên có trình độ chuyên môn cao và có kinh nghiệm trong nghề kế toán.

- Xem xét áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc. Phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn và tự động tính toán, thực hiện các bút toán kết chuyển một cách chính xác và kịp thời.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán chuyên dụng, có nhiều tính năng ưu việt, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accouting, Vacom Accouting, 3S Accouting... Tuy nhiên, để lựa chọn được một phần mềm kế toán phù hợp là một việc thực sự khó khăn với hầu hết các doanh nghiệp vì hiện nay có quá nhiều sản phẩm phần mềm kế toán trên thị trường. Đánh giá các tính năng của sản phẩm theo nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp là một trong những bước đi quan trọng nhất nhằm lựa chọn một sản phẩm phần mềm kế toán phù hợp với mức giá hợp lý cho doanh nghiệp. Dưới đây là giao diện, chức năng và giá của một số phần mềm kế toán để công ty xem xét lựa chọn:

1. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

- Giao diện: thân thiện, dễ sử dụng

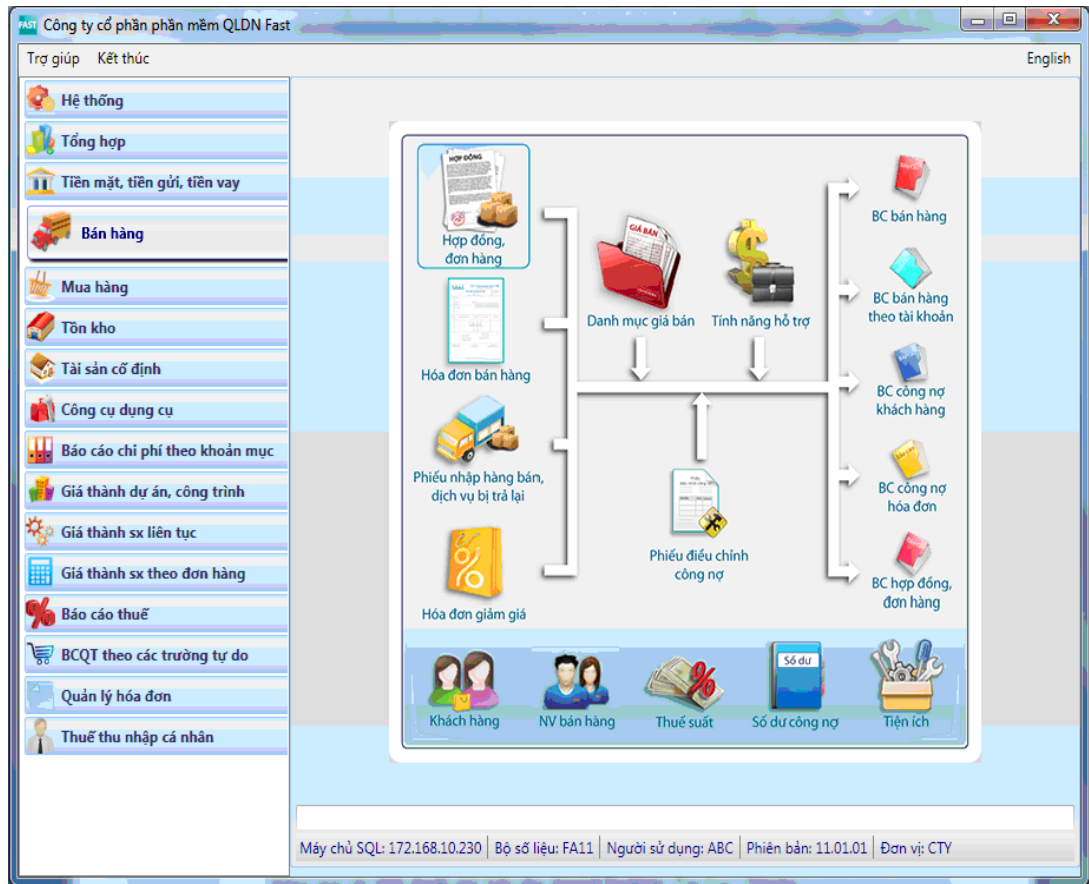


- Chức năng: phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với phần mềm MISA SME.NET 2012, doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ DN tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

- Báo giá: 9.950.000 VNĐ

2. Phần mềm kế toán FAST

- Giao diện:

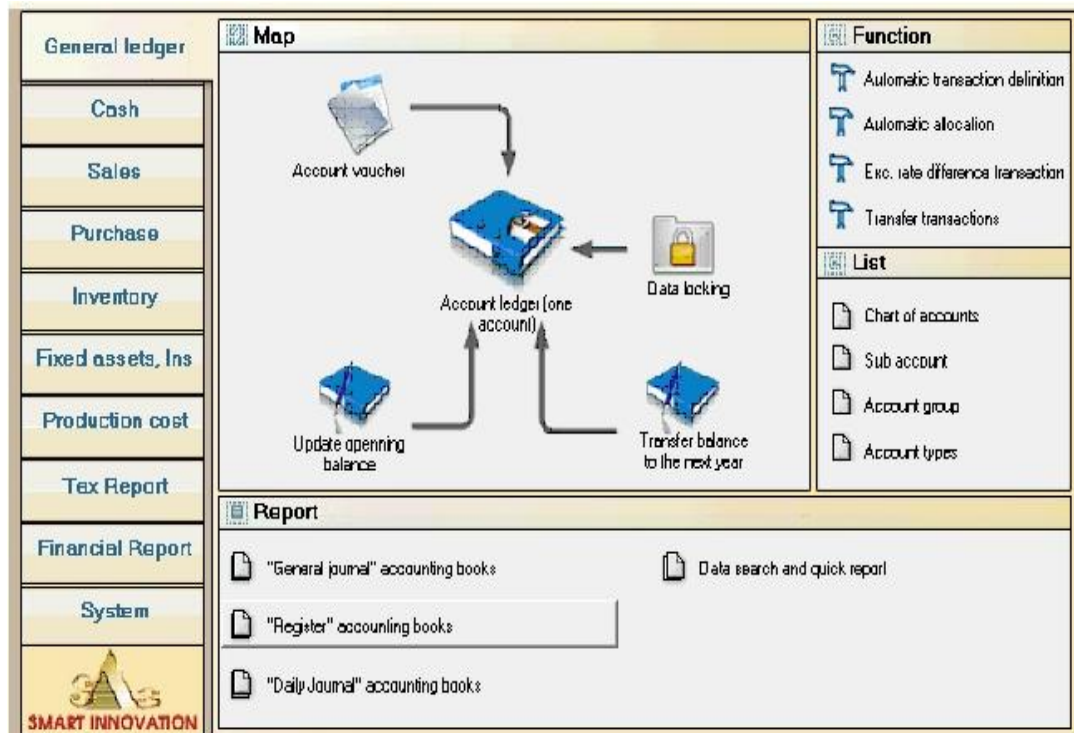


- Chức năng: Fast accounting mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu, quản lý số liệu liên năm thuận lợi cho việc so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải), có thể xem báo cáo khi đang nhập số liệu... Đây là dòng sản phẩm truyền thống của Fast và cũng là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp sử dụng nhiều nhất.

- Báo giá: phần mềm Fast accounting dành cho doanh nghiệp dịch vụ (12 phân hệ) có giá 6.000.000 VNĐ.

3. Phần mềm kế toán SAS INOVA 8.0

- Giao diện:



Phần mềm có giao diện song ngữ Anh-Việt

- Chức năng: SAS INOVA 6.8.1 Pro có nhiều tính năng nổi bật như: cập nhật chứng từ kế toán không cần biết định khoản, giảm 80% thời gian nhập các chứng từ tương tự với chức năng “copy” chứng từ, tạo và in phiếu thu, phiếu xuất ngay trên hóa đơn bán hàng, tạo và in phiếu chi ngay trên hóa đơn mua hàng... Ngoài ra, phần mềm được thiết kế dựa trên các quyết định mới nhất của Bộ tài chính như Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, Quyết định 48/2006/QĐ-BTC... Với sản phẩm này, người dùng chỉ cần nhập số liệu đầu vào và phát sinh, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán, thông tin về phân tích tài chính, sản xuất, kinh doanh.

- Báo giá: 10.000.000 VNĐ.

Trên đây là một số phần mềm kế toán đang có trên thị trường hiện nay rất phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, em đưa ra để công ty xem xét lựa chọn phần mềm kế toán thích hợp nhất cho mình, giúp cho hệ thống kế toán của công ty được hiện đại, nhanh chóng và thuận tiện hơn.

KẾT LUẬN

Hoà cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Nhận thức được vấn đề trên và được sự giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm, nhiệt tình của Giảng viên-Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo cùng các cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Truyền thông Việt Thịnh”.

Nội dung của đề tài khóa luận này rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Giảng viên-Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại Công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm...

Sinh viên

Trần Hà Thu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS.Nguyễn Văn Công.
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS.Võ Văn Nhị.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam.
6. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – GS.TS Đặng Thị Loan, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
7. Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty CP Truyền thông Việt Thịnh cung cấp, và một số tài liệu trước đã tìm hiểu và nghiên cứu đề án kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.